





NỘI DUNG

01	MB 15 năm vững vàng tin cậy
03	Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
06	Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
08	Những dấu mốc quan trọng
10	Các chỉ tiêu tài chính nổi bật
12	Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị
16	Báo cáo của Ban điều hành
26	Mô hình tổ chức
28	Ban điều hành
30	Hội Đồng Quản Trị
32	Ban Kiểm Soát
34	Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
35	Dữ liệu thống kê về cổ đông
36	Báo cáo tài chính
96	Một số sự kiện tiêu biểu năm 2008
98	Đóng góp với cộng đồng
99	Các giải thưởng tiêu biểu



MB

15 NĂM

VỮNG

VÀNG

TIN CẬY

Ngày 4-11-2009, MB tròn 15 tuổi.

Trong 15 năm qua, nền kinh tế tài chính Việt Nam đã có những biến đổi to lớn. Việt Nam có những thời kỳ tăng trưởng mạnh mẽ, đồng thời cũng có những giai đoạn khó khăn do ảnh hưởng từ nền kinh tế tài chính quốc tế, mà đặc biệt phải kể đến cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 và mới đây là cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008.

Trong bối cảnh đó, MB đã có những bước đi đúng đắn, có những điều chỉnh thích hợp với thị trường. 15 năm qua, MB luôn vững vàng ở tốp 5 ngân hàng có mức lợi nhuận trước thuế cao nhất trong hệ thống ngân hàng TMCP tại Việt Nam. Đặt mục tiêu “chuyên nghiệp, tận tâm” lên hàng đầu, trong bất cứ hoàn cảnh, tình huống nào, gần 2500 nhân viên MB luôn sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng. Đội ngũ chuyên gia xuất sắc trong lĩnh vực đánh giá rủi ro, dịch vụ tài chính đem đến cho khách hàng những giải pháp tài chính ngân hàng khôn ngoan. 90 điểm giao dịch trải rộng trên toàn quốc cùng Trung tâm dịch vụ khách hàng MB247 và hệ thống ATM, POS trải rộng mang lại cho các khách hàng của MB những dịch vụ ngân hàng tối ưu, sự thuận tiện trong giao dịch cùng cảm giác hài lòng mỹ mãn, yên tâm tuyệt đối. Đó là lý do vì sao chỉ sau 15 năm, từ một ngân hàng khá non trẻ MB đã tăng số vốn điều lệ lên hơn 3.400 tỷ đồng và trở thành địa chỉ thân thuộc với mỗi khách hàng, người dân Việt Nam.

Thành công trong hoạt động kinh doanh, MB không quên sẻ chia tấm lòng, mở rộng vòng tay nhân ái với cộng đồng, các gia đình chính sách ... bằng những hoạt động xã hội - từ thiện sôi nổi, giàu ý nghĩa và đạt hiệu quả cao. Với bề dày thành tích trong cả hoạt động kinh doanh lẫn hoạt động xã hội, MB luôn được NHNN đánh giá cao và xếp loại A. Đặc biệt, MB vinh dự được Thủ tướng Chính Phủ trao tặng bằng khen vì những thành tích kinh doanh xuất sắc, được nhận giải thưởng “Nhân ái Việt Nam” vì những đóng góp cho cộng đồng và được bình chọn là “Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2008”.

Hướng đến sinh nhật tuổi 15, MB cam kết giữ vững mục tiêu kinh doanh an toàn, phát triển bền vững, tập trung đầu tư tăng năng lực quản trị, tìm kiếm - bồi dưỡng nguồn lực chất lượng cao và phấn đấu tăng trưởng tất cả các chỉ tiêu từ 15%-30%, Tuổi 15, MB đã, đang và sẽ luôn là địa chỉ tin cậy của khách hàng, đối tác, cổ đông và nhân viên đồng thời tích cực tham gia cùng nhà nước trong việc thực hiện các chính sách về ngân hàng – tài chính, góp phần ổn định và phát triển kinh tế.



2.000 trái tim MB

luôn tràn đầy nhiệt huyết, sáng tạo,
đồng lòng hướng tới
những mục tiêu chung

TẦM NHÌN

Trở thành Ngân hàng cổ phần hàng đầu ở Việt Nam trong các mảng thị trường lựa chọn tại các khu vực đô thị lớn, tập trung vào:
Các khách hàng doanh nghiệp truyền thống, các tập đoàn kinh tế và các doanh nghiệp lớn.
Tập trung có chọn lọc doanh nghiệp vừa và nhỏ.
Phát triển các dịch vụ KH cá nhân.
Mở rộng các hoạt động kinh doanh trên thị trường vốn.
Phát triển hoạt động ngân hàng đầu tư.
Liên kết chặt chẽ trong Ngân hàng và các thành viên để hướng tới trở thành một tập đoàn tài chính.

SỨ MỆNH

MB dành mọi nỗ lực xây dựng một đội ngũ nhân lực tinh thông về nghiệp vụ, tận tâm trong phục vụ nhằm mang lại cho các doanh nghiệp, các cá nhân những giải pháp tài chính-ngân hàng khôn ngoan với chi phí tối ưu và sự hài lòng mỹ mãn.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Giá trị của MB không nằm ở tài sản mà là ở những giá trị tinh thần mà mỗi thành viên MB luôn coi trọng và phát huy bao gồm 6 giá trị cơ bản:

Tin cậy
Hợp tác
Chăm sóc khách hàng
Sáng tạo
Chuyên nghiệp
Hiệu quả



Tổng quan

NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM 2008

Giá dầu mỏ tăng vọt lên 147 đô la/ thùng trong tháng 7 rồi giảm không phanh xuống còn 34 đô la/ thùng.

Giá phôi thép đạt ngưỡng 1.200 đô la/ tấn rồi giảm xuống còn 255 đô la/ tấn vào tháng 11.

Khủng hoảng tài chính Mỹ, bắt đầu từ khủng hoảng cho vay thế chấp nhà, đặc biệt sự sụp đổ của Washington Mutua, Lehman Brothers, Merrill Lynch và Wachovia bị mua lại... kéo theo khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu.



Tốc độ tăng trưởng GDP thấp hơn các năm trước, chỉ đạt 6,23% so với 8,48% của năm 2007.

Lạm phát ở mức kỷ lục 22,97%, cao nhất trong vòng 10 năm qua

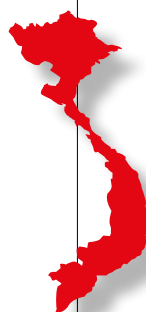
Thâm hụt cán cân thương mại, nhập siêu 17 tỷ USD, tăng 20,5%.

Lãi suất cơ bản tăng chóng mặt lên đến 14% vào tháng 6 rồi lại

giảm xuống còn 8,5% vào tháng 12 cùng chính sách hạn chế suy giảm kinh tế.

Ngân hàng NN siết chặt chính sách cho vay bất động sản, chứng khoán..., tăng dự trữ bắt buộc lên mức 11%.

Thị trường chứng khoán trải qua diễn biến xấu nhất kể từ ngày thành lập, giảm gần 3 lần xuống còn 315,62 điểm.





Thông điệp của CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý vị,

Năm 2008, mặc dù nền kinh tế toàn cầu có những khó khăn lại chịu tác động mạnh mẽ của khủng hoảng tài chính toàn cầu, hoạt động của Ngân hàng Quân đội vẫn đảm bảo tăng trưởng ấn tượng so với năm trước trên các mặt hoạt động trong đó vốn điều lệ đạt 3.400 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu đạt 4.118,3 tỷ đồng, tổng tài sản đạt 44.346 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 860,883 tỷ đồng.

Năm vừa qua Ngân hàng Quân đội cũng là ngân hàng đi tiên phong trong lĩnh vực quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế với hệ thống tín dụng nội bộ đầu tiên được Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam chấp thuận cho phép triển khai.

Ngân hàng Quân đội còn thể hiện vai trò là một ngân hàng thương mại vững vàng hàng đầu qua việc tích cực tham gia và thực hiện nghiêm túc các giải pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đáp ứng nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế - xã hội... của Nhà nước. Với những nỗ lực và đóng góp của mình, MB đã vinh dự nhận được bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Đây là những thành quả được chuẩn bị kỹ lưỡng sau nhiều năm tái cơ cấu và thực hiện chiến lược phát triển 5 năm giai đoạn 2004-2008. Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo đã nhất trí cao về mục tiêu giữ vững ổn định, phát triển an toàn hiệu quả. Năng

lực quản trị hệ thống được nâng cao, khả năng dự báo, phân tích tốt và đưa ra các chính sách, giải pháp kịp thời, ứng xử phù hợp với biến động thị trường thể hiện khả năng thu thập, xử lý thông tin, bản lĩnh khi xử lý tình huống, tranh thủ được cơ hội kinh doanh.

Năm qua Ngân hàng Quân đội cũng tiếp tục đẩy mạnh hợp tác toàn diện với các tập đoàn kinh tế lớn như Tổng công ty Viễn thông quân đội, Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Mai Linh, Tổng Công ty Xăng dầu quân đội, Công ty Tân Cảng, Tổng Công ty Bay Dịch vụ...

Thành công của Ngân hàng Quân đội tiếp tục khẳng định sự đóng góp không nhỏ của đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp, sáng tạo, nhiệt huyết..., được nuôi dưỡng trong một môi trường văn hóa doanh nghiệp đậm đà bản sắc đoàn kết, gắn bó, trọng tình nghĩa và sẻ chia...

Đồng thời, việc tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật, tính minh bạch trong hoạt động, hài hòa lợi ích của nhà nước, khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng đã giúp Ngân hàng Quân đội có được những bước đi vững chắc hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Năm 2009 Ngân hàng sẽ kỷ niệm 15 năm ngày thành lập với thông điệp “MB 15 năm vững vàng, tin cậy”. Đây cũng là năm được dự báo nền kinh tế thế giới và Việt Nam còn tiếp tục khó khăn, hoạt động ngân hàng tài chính còn phải vượt qua những thách thức mới. Hướng tới sự kiện quan trọng này, với năng lực tài chính hiện có cùng sự đồng lòng quyết tâm của toàn thể cán bộ nhân viên, Ngân hàng Quân đội đặt mục tiêu tiếp tục giữ vững sự ổn định, chuẩn bị nguồn lực cho một giai đoạn phát triển mới, không chỉ riêng đối với Ngân hàng mà còn đối với tất cả các công ty thành viên.

Kính thưa Quý vị,

Để có được những thành quả đạt được trong chặng đường vừa qua, Ngân hàng Quân đội xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới Bộ quốc phòng, Ngân hàng nhà nước, các Cơ quan hữu quan, Quý vị cổ đông và Khách hàng đã hết lòng ủng hộ và giúp đỡ. Chúng tôi cam kết MB sẽ phát huy những giá trị đã có để luôn là địa chỉ “vững vàng, tin cậy” của Quý vị.

Trân trọng cảm ơn.



TRƯƠNG QUANG KHÁNH
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Những dấu mốc quan trọng

2004

Tổ chức thành công lễ bán đấu giá cổ phần: MB là ngân hàng đầu tiên bán đấu giá cổ phần với tổng trị giá 20 tỷ đồng.

Phát hành thẻ Active Plus: Đây là sản phẩm thẻ ghi nợ đầu tiên trên thị trường mà chủ thẻ được bảo hiểm an toàn cá nhân với mức bảo hiểm lên tới 10 triệu đồng.

Triển khai tái cấu trúc mô hình tổ chức: Đây là sự chuyển dịch theo mô hình quản lý mới theo hướng tách hoạt động quản lý và hoạt động kinh doanh, hướng tới khách hàng và từng bước hoàn thiện qui trình, qui chế... nhằm mang lại hiệu quả hoạt động ngày càng cao cho MB.

Nhận Bằng Khen của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt nam vì đã có thành tích hoạt động tốt năm 2003.

2005

Ký kết thỏa thuận ba bên với Ngân hàng ngoại thương Vietcombank, Tổng công ty viễn thông quân đội Viettel về việc thanh toán cước viễn thông của Viettel qua thẻ ATM.

Ký kết thỏa thuận hợp tác với Citibank.

2006

Triển khai dự án hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin của tập đoàn Temenos - Thụy Sĩ nhằm tăng sức cạnh tranh và mang lại cho khách hàng những dịch vụ và tiện ích ngân hàng tốt nhất. Triển khai dịch vụ Mobile Banking và Internet banking.

Phát hành thành công 220 tỉ đồng trái phiếu chuyển đổi với kỳ hạn 5 năm.

Tham gia tài trợ tuyên truyền sự kiện lớn nhất Việt nam năm 2006- APEC 14.

Nhận giải thưởng “Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2005.

Thành lập Công ty Quản lý quỹ đầu tư Hà nội

Hợp tác với tổ chức CIDA trong chương trình tăng cường năng lực quản trị rủi ro.

2007

Triển khai thành công dự án hiện đại hoá công nghệ, chính thức vận hành hệ thống core banking của tập đoàn Temenos; thực hiện giao dịch trực tuyến.

Triển khai đề án xếp hạng tín dụng nội bộ với sự tư vấn của Công ty Earnst & Young Việt Nam.

Chính thức trở thành thành viên của Hiệp hội ngân hàng Châu Á (Asian Bankers Association – ABA).

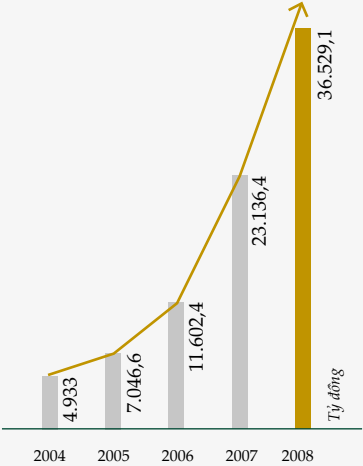
Ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama); Tổng Công ty phát triển Nhà Hà Nội (Handico); Công ty Cổ phần Xăng dầu Quân Đội (Mipeco); Công ty Tài chính Dầu khí (PVFC);

Ký kết thỏa thuận hợp tác với Công ty Chứng khoán Dầu khí (PVS); Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) và thỏa thuận hợp tác chiến lược với Vietcombank.

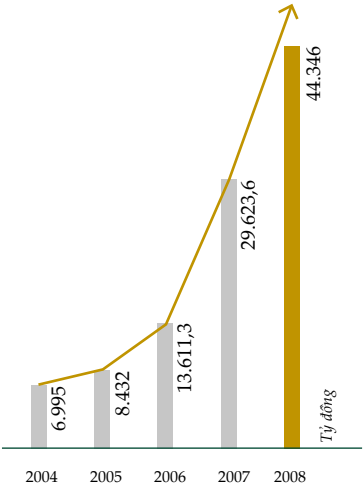
Tổ chức thành công Đại hội Cổ đông 2007, trong đó thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 7.300 tỷ đồng vào cuối năm 2010; Trở thành ngân hàng đại chúng đầu tiên được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng ngày 15 tháng 6 năm 2007.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

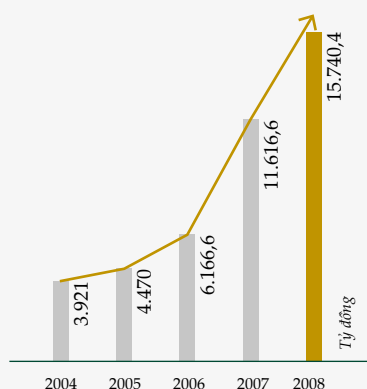
58%[^]
Vốn huy động



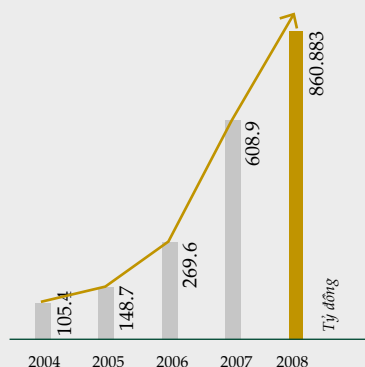
50%[^]
Tổng tài sản



36%[^]
Tổng dư nợ

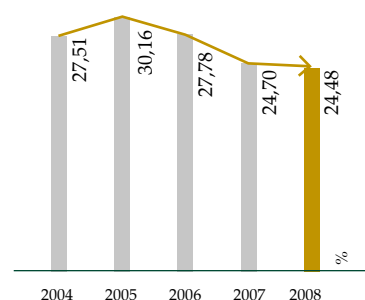


41%[^]
Lợi nhuận trước thuế



24.48%
ROE

(lợi nhuận trước thuế/vốn sở hữu bình quân)



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2009

Lợi nhuận trước thuế	: 950 tỷ đồng
Tổng tài sản	: 58.500 tỷ đồng
Dư nợ cho vay	: 21.500 tỷ đồng
Tổng vốn huy động	: 45.000 tỷ đồng
Số lượng nhân viên	: 2.950 người
Số lượng Chi nhánh và PGD	: 111 điểm



Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị

Khép lại năm 2008, một năm đầy những biến động, hoạt động của MB vẫn đảm bảo sự ổn định và được đánh dấu bởi một loạt các sự kiện nổi bật: hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 3.400 tỷ đồng, các chỉ tiêu kinh doanh tăng trưởng tốt, triển khai thành công hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và giành được nhiều giải thưởng uy tín khác về thương hiệu.

Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

Năm 2008 là một năm đầy những biến động và thử thách trong hoạt động kinh doanh ngân hàng nhưng MB đã khẳng định được bản lĩnh vững vàng, năng lực quản trị tốt và nổi lên là thương hiệu ngân hàng mạnh, tự tin vượt qua khó khăn thích ứng nhanh với sự thay đổi. Hoạt động của MB vẫn đảm bảo sự ổn định và được đánh dấu bởi một loạt các sự kiện nổi bật: hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 3.400 tỷ đồng, các chỉ tiêu kinh doanh tăng trưởng tốt, triển khai thành công hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và giành được nhiều giải thưởng uy tín khác về thương hiệu.

Tính đến 31/12/2008, lợi nhuận trước thuế của toàn hệ thống là 860,883 tỷ đồng (trong đó lợi nhuận của ngân hàng là 770,708 tỷ đồng), bằng 141% lợi nhuận của năm 2007, đạt 117% kế hoạch. Vốn huy động đạt 36.529,1 tỷ đồng, tăng 58% so với năm 2007. Tổng tài sản của MB do đó cũng tăng trưởng mạnh, đạt 44.346 tỷ đồng, tăng hơn gấp rưỡi so với đầu năm. Tổng dư nợ đạt 15.740 tỷ đồng, tăng 36% so với cuối năm 2007.

Năm 2008, MB đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 3.400 tỷ đồng, theo đúng phương án tăng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/5/2008: chuyển đổi 220 tỷ trái phiếu chuyển đổi năm 2006 thành cổ phiếu, đồng thời chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông và phát hành cổ phiếu cho các đối tác chiến lược trong nước. Nhờ những kết quả và triển vọng kinh doanh tốt, tính thanh khoản tốt, cổ phiếu của MB có thể xem là một trong những cổ phiếu được các nhà đầu tư ưa chuộng nhất trên thị trường OTC.

Trong năm 2008, MB đã vinh dự nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cũng như nhiều giải thưởng lớn khác như: Cúp vàng “Thương hiệu Chứng khoán uy tín”, “Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam”, Doanh nghiệp dịch vụ được hài lòng nhất, Top 100 Thương hiệu hàng đầu Việt Nam...

Những thay đổi chủ yếu trong năm

Thay đổi đầu tiên phải kể đến là cuộc chuyển giao giữa nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản trị giữa ông Phạm Tuấn và ông Trương Quang Khánh. Cuộc chuyển giao không tạo ra bất kỳ sự xáo trộn trong tổ chức và hoạt động của HĐQT mà trái lại đã tạo ra những kết quả rất tốt đẹp. Cựu Chủ tịch với kinh nghiệm của mình đã tiếp tục cống hiến cho MB với tư cách là thành viên cao cấp của Hội đồng tư vấn của MB. Chủ tịch mới mặc dù bận rộn với vai trò là Ủy viên Trung ương Đảng nhưng đã nhanh chóng nắm bắt được tình hình và đảm đương tốt cương vị.

Những thay đổi tiếp theo là thay đổi về mô hình tổ chức theo chiến lược cải tổ 2004-2008. MB đã hoàn thành việc tái cơ cấu mô hình tổ chức theo mô hình mới trên toàn hệ thống với việc thành lập, ban hành chức năng nhiệm vụ các Khối, thành lập Phòng ban mới thuộc các Khối, tách online một số chi nhánh và chuẩn bị các điều kiện để hình thành các Ủy ban cao cấp.

Đồng thời với việc tái cơ cấu mô hình tổ chức, MB đã chuẩn hóa hệ thống chức danh, triển khai tích cực đề án Tư vấn nhân sự bao gồm hoàn thiện chiến lược nhân sự, chuẩn hóa lại mô hình tổ chức từ Hội sở đến chi nhánh, từng bước chuẩn hóa nội dung quản trị thành tích và các chính sách nhằm phát triển nguồn lực theo hướng bền vững và chuyên nghiệp.

Với phương châm không ngừng gia tăng tiện ích cho khách hàng, MB luôn quan tâm cải tiến sản phẩm hiện có, nghiên cứu và đưa vào ứng dụng các sản phẩm, dịch vụ mới. Với khách hàng doanh nghiệp, MB đã đưa các sản phẩm mới như: thấu chi, các dịch vụ tài trợ thương mại, bao thanh toán quốc tế, chạy thử internet banking, cải tiến sản phẩm chiết khấu bộ chứng từ, nghiên cứu sản phẩm liên kết ngân hàng - bảo hiểm. Các sản phẩm chuyên biệt dành cho khách hàng nhỏ và vừa cũng đầy mạnh như cho vay trả góp, cho vay mua sắm thiết bị (trung, dài hạn)... Với khách hàng cá nhân, MB đã hoàn thiện và sửa đổi sản phẩm cầm cố giấy tờ có giá, cho vay tiêu dùng, làng nghề, cho vay tài trợ nhà đất, cho vay du học,



cho vay sản xuất kinh doanh, cho vay sửa chữa nhà đất; đồng thời phát triển một số sản phẩm mới: thấu chi, quản lý tài khoản nhà đầu tư, quản lý tài sản ban hành nghiệp vụ ...

Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Luôn đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn rất nhiều so với trung bình ngành, MB đang bước những bước dài trên con đường tới mục tiêu là một trong những tập đoàn tài chính – ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam. Bên cạnh yếu tố tăng trưởng, chất lượng hoạt động, đảm bảo an toàn và hiệu quả là những mục tiêu hàng đầu, MB tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức hướng tới khách hàng và quản trị rủi ro. Đồng thời, MB cũng không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng mạng lưới hoạt động, nâng cao năng lực quản trị điều hành, nâng cao năng lực quản trị rủi ro. Trong năm, MB cũng thực hiện cơ cấu lại cổ đông, chú trọng xây dựng nhóm cổ đông chiến lược đồng thời củng cố tổ chức bộ máy Hội đồng quản trị, Ban điều hành và chuẩn bị các điều kiện để có thể niêm yết cổ phiếu vào cuối năm 2009, đầu 2010. Năm 2010, MB dự kiến nâng quy mô vốn điều lệ lên 7.300 tỷ đồng.

Về trung và dài hạn, MB thực hiện kế hoạch chiến lược giai đoạn 2009-2013 với các mục tiêu chủ yếu sau:

- Là một tập đoàn tài chính – ngân hàng hàng đầu mạnh có quy mô lớn, có tên tuổi;
- Có đội ngũ lãnh đạo và nhân viên năng động, có trình độ và đạo đức kinh doanh dưới một hội đồng quản trị và hội đồng thành viên mạnh;
- Hoạt động trên các thị trường khách hàng mục tiêu khác nhau: khách hàng tổ chức lớn, ngân hàng thương mại cho các doanh nghiệp, ngân hàng dành cho cá nhân. Đặc biệt, mỗi thị trường đã được xây dựng một chiến lược riêng để thâm nhập và khai thác hiệu quả;
- Cung cấp các dịch vụ đa dạng, được đóng gói dưới dạng các giải pháp tài chính tổng thể được cá thể hóa cho mỗi khách hàng, bao gồm: ngân hàng thương mại, ngân hàng bán lẻ, ngân hàng đầu tư, ngân hàng tư nhân (quản lý tài sản), bảo hiểm (nhân thọ và phi nhân thọ), tín dụng tiêu dùng, bất động sản, cho thuê tài chính;

- Mạng lưới hoạt động rộng khắp trên các khu vực địa lý khác nhau, hướng tới địa bàn một số nước ASEAN và văn phòng tại các trung tâm khu vực;
- Có nền công nghệ hiện đại đem lại tiện ích tối đa cho khách hàng thông qua các sản phẩm và dịch vụ đổi mới nhất với các chi phí tối ưu và hợp lý nhất. Nền tảng công nghệ hiện đại cũng cung cấp một hệ thống thông tin quản trị hữu hiệu hỗ trợ mạnh cho công tác quản trị ngân hàng, quản trị doanh nghiệp;
- Có một danh mục đầu tư ổn định đem lại lợi ích tối ưu cho tập đoàn;
- Đảm bảo thu nhập cho người lao động thích đáng, đảm bảo hài hòa và cam kết phát triển vững chắc với cộng đồng, đồng thời tối ưu hóa lợi ích và giá trị của các chủ sở hữu.



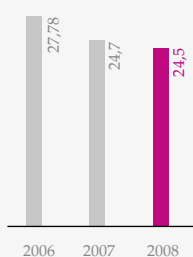
Báo cáo của Ban điều hành

“MB là một trong những Ngân hàng có chính sách Quản trị rủi ro thanh khoản tốt, tham gia tích tích cực vào Thị trường liên Ngân hàng với vai trò chính là Ngân hàng cung tiền cho thị trường, làm giảm khó khăn thanh khoản cho các tổ chức tín dụng khác và được nhận được sự biểu dương từ Ngân hàng Nhà nước”

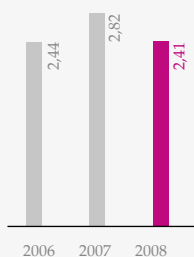


BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

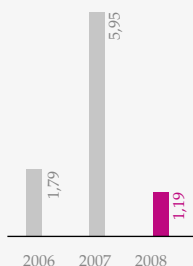
ROE (%)



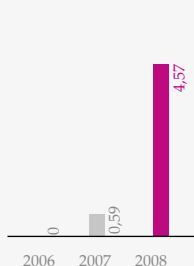
ROA (%)



Tỷ lệ khả năng chi trả (%)



Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung và dài hạn (%)



Khả năng sinh lời

Năm 2008 do hoạt động của ngành ngân hàng gặp nhiều khó khăn và biến động nên các chỉ tiêu về tỷ suất sinh lời của MB giảm nhẹ so với năm trước. Tuy nhiên, nhìn chung các chỉ tiêu này vẫn duy trì ở mức khá ổn định và cao hơn trung bình chung của ngành. Vốn chủ sở hữu bình quân tăng nhanh làm cho ROE giảm 0,2%, đạt 24,5%, nhưng vẫn duy trì ở mức cao và đảm bảo được lợi ích cho cổ đông. ROA đạt 2,41%, giảm nhẹ so với mức 2,82% của năm 2007, tuy vậy vẫn cao hơn nhiều so với mức trung bình của ngành (vào khoảng 1% - 2%).

Khả năng thanh toán

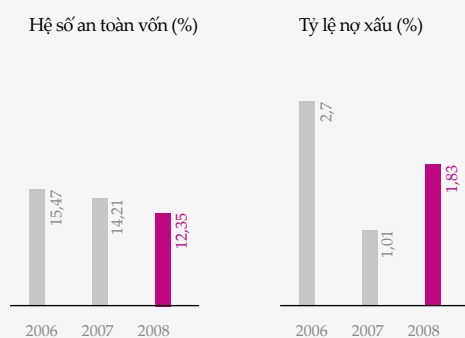
Những tháng đầu năm, trước tình hình kinh tế khó khăn, nhiều ngân hàng gặp khó khăn về thanh khoản nhưng MB vẫn luôn đảm bảo được mức an toàn. Với sự thận trọng trong sử dụng vốn, MB luôn đáp ứng được tỷ lệ khả năng chi trả lớn hơn 1, lớn hơn mức đảm bảo an toàn mà NHNN quy định. Năm 2008, MB là một trong những Ngân hàng có chính sách Quản trị rủi ro thanh khoản tốt, tham gia tích cực vào Thị trường liên Ngân hàng với vai trò chính là Ngân hàng cung tiền cho thị trường, làm giảm khó khăn thanh khoản cho các tổ chức tín dụng khác và được nhận được sự biểu dương từ Ngân hàng Nhà nước. Tỷ lệ nguồn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung và dài hạn trong năm 2008 chỉ là 4,57% thấp hơn rất nhiều so với mức cho phép của 40% của NHNN.



Hệ số an toàn vốn và tỷ lệ nợ xấu

Luôn đảm bảo nguyên tắc thận trọng, an toàn vốn đi đôi với hiệu quả sử dụng vốn, cân bằng giữa rủi ro và lợi nhuận, hệ số an toàn vốn của MB năm 2008 duy trì ở mức 12,35%, cao hơn nhiều so với hệ số an toàn tối thiểu 8% mà NHNN quy định.

Mặc dù hoạt động tín dụng năm 2008 đặc biệt chứa đựng nhiều rủi ro từ rủi ro tín dụng, rủi ro pháp lý, rủi ro ngoại hối... nhưng với chính sách tín dụng hợp lý, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng, tập trung rà soát danh mục cho vay bao gồm giám sát từ xa và giám sát tại chỗ, phát triển tín dụng thận trọng trên cơ sở tăng cường tái cơ cấu dư nợ, danh mục cho vay phù hợp, MB đã hạn chế tối đa rủi ro khi tình hình kinh tế khó khăn hơn. Đồng thời, MB thường xuyên có chỉ đạo trực tiếp, kiểm tra, kiểm soát các Chi nhánh, đảm bảo tính tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định, chính sách của NHNN trên toàn hệ thống. Nhờ vậy, MB luôn kiểm soát chặt chẽ được nợ quá hạn. Nợ xấu đến 31/12/08 là 1,83% trong tổng dư nợ, thấp hơn nhiều mức trung bình ngành là 3,5%. Hệ thống Xếp hạng tín dụng nội bộ được Ngân hàng Nhà nước cho phép chính thức triển khai cũng đã giúp MB phân loại nợ và trích lập dự phòng theo tiêu chuẩn quốc tế, phản ánh một cách tổng quan và đúng bản chất về tình hình chất lượng tín dụng của khách hàng.



Những thay đổi về vốn cổ đông

Thực hiện lộ trình tăng vốn điều lệ đảm bảo nguồn vốn phục vụ nhu cầu hoạt động kinh doanh ngân hàng và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, được sự chấp thuận của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, trong năm 2008 MB đã hoàn tất chuyển đổi 220 tỷ trái phiếu chuyển đổi năm 2006 thành cổ phiếu, chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông và phát hành cổ phiếu cho các đối tác chiến lược trong nước theo đúng phương án tăng vốn Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tính đến thời điểm 31/12/2008, số lượng chứng khoán do MB phát hành đang lưu hành trên thị trường là:

Cổ phiếu

Tổng mệnh giá 3.400 tỷ đồng; số lượng cổ phiếu 340.000.000 cổ phiếu; mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trái phiếu chuyển đổi

Tổng mệnh giá: 1.000 tỷ đồng, mệnh giá trái phiếu chuyển đổi là 1 triệu đồng/trái phiếu chuyển đổi, trong đó:

- * 420 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi phát hành trong Đợt 1.2007 kỳ hạn 2 năm, lãi suất 8%/năm;
- * 580 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi phát hành trong Đợt 2.2007 kỳ hạn tối đa 3 năm, lãi suất 8%/năm.

Cổ tức

Với phương châm “bảo toàn và phát triển vốn của Ngân hàng, đảm bảo quyền lợi của cổ đông”, trong những năm vừa qua, MB luôn thực hiện chính sách cổ tức ổn định, duy trì ở mức trên 15%/năm. Năm 2008, MB đã phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông với tỷ lệ 12,4% và tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 3 lần với tỷ lệ 18%.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2008, hầu hết các chỉ tiêu kinh doanh của MB đều đạt mức kế hoạch đặt ra và tăng trưởng cao so với năm 2007.

Tổng tài sản đạt 44.346 tỷ đồng, tăng 50% so với năm 2007 đáp ứng yêu cầu mở rộng qui mô và phù hợp với tốc độ tăng trưởng vốn tự có của ngân hàng.

Mặc dù trong năm có nhiều biến động về thanh khoản, cạnh tranh gay gắt trên thị trường nhưng huy động vốn của MB vẫn khá tốt. Tính đến 31/12/2008 vốn huy động đạt 36.529,1 tỷ đồng, tăng 58% so với năm 2007 và bằng 118% kế hoạch đặt ra. Trong đó nguồn chủ yếu là tiền gửi của các TCKT và dân cư đạt 27.162 tỷ đồng, tăng 53% so với đầu năm.

Năm 2008, thực hiện chủ trương của Ngân hàng Nhà nước thắt chặt tín dụng nhằm kiểm chế lạm phát nên tốc độ tăng dư nợ của MB chỉ ở mức

36% so với năm 2007, tổng dư nợ cho vay khách hàng của MB đạt 15.740 tỷ đồng. Về cơ cấu nợ, cho vay ngắn hạn chiếm 63% và 37% là dư nợ cho vay trung và dài hạn; cho vay đối với các tổ chức kinh tế chiếm 86% và cho vay cá nhân chiếm 14% tổng dư nợ. Rủi ro tín dụng luôn được kiểm soát chặt chẽ đảm bảo chất lượng tín dụng an toàn. Nợ xấu nhóm 3 đến nhóm 5 chiếm 1,83% tổng dư nợ tín dụng, thấp hơn rất nhiều so với tỷ lệ 3,5% trung bình ngành ngân hàng.

Trong bối cảnh kinh tế khó khăn, MB nỗ lực và đạt được kết quả kinh doanh đáng tự hào. Lợi nhuận của tập đoàn đạt 861 tỷ đồng, tăng 41% so với năm 2007 và vượt 17% kế hoạch. Trong đó 770,7 tỷ đồng là lợi nhuận của riêng Ngân hàng và 90,2 tỷ đồng là phần đóng góp của công ty con và công ty liên kết. Với mức lợi nhuận trên, MB là một trong năm ngân hàng TMCP có lợi nhuận và ROE cao nhất trong năm 2008.

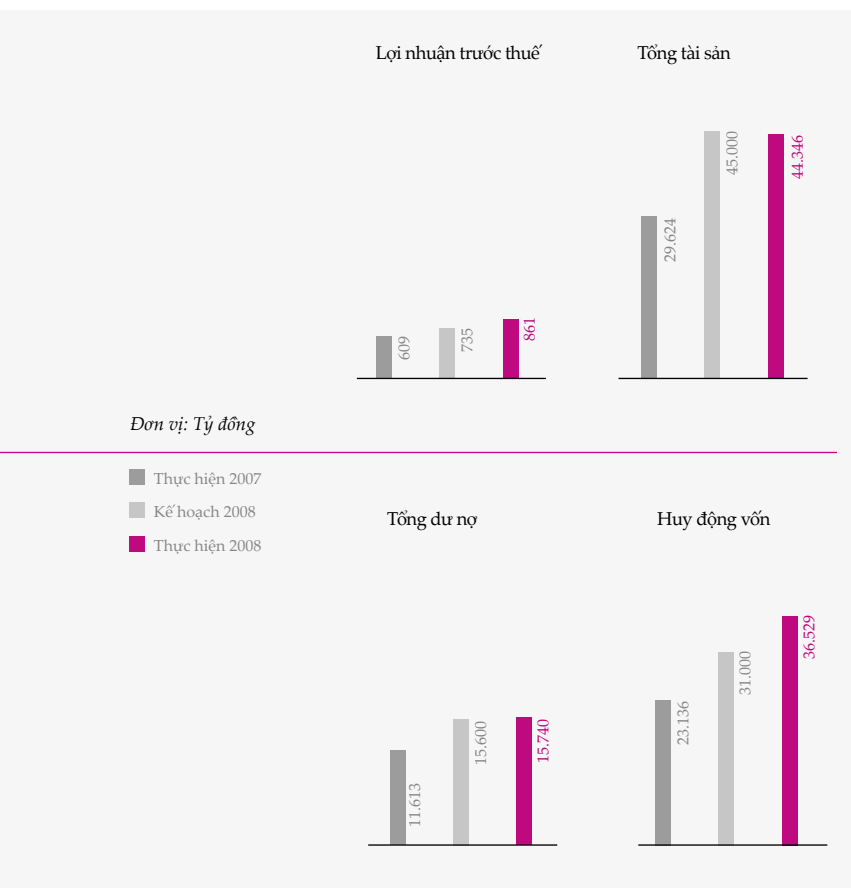
Hoạt động dịch vụ cũng có những tiến bộ và phát triển tốt. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ đạt 262 tỷ đồng, tăng 28% so với năm 2007.

Bên cạnh việc tăng trưởng kinh doanh, MB luôn hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế đối với Ngân sách Nhà nước.

NHỮNG TIẾN BỘ MB ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2008

Về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2008, MB tiến hành tổ chức lại các khối, cơ quan hội sở, các chi nhánh, phòng giao dịch theo mô hình tổ chức mới, từng bước tiến tới mô hình ngân hàng hiện đại; xây dựng và ban hành hệ thống chức danh. MB cũng đã hoàn tất chuyển đổi sang hệ thống lương mới trong toàn hệ thống với mức lương mới cao hơn so với mức cũ nhằm khuyến khích, động viên người lao động.



Về phát triển mạng lưới

Trong năm, MB đã phát triển thêm được 25 điểm giao dịch mới, nâng tổng số điểm giao dịch đã đi vào hoạt động của hệ thống tính đến ngày 31/12/2008 là 90. Các điểm giao dịch mới của Ngân hàng mở ra trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng nhu cầu của khách hàng trên địa bàn, phù hợp với chiến lược phát triển và quy mô của Ngân hàng. Do đó, ngay khi ổn định tổ chức, các điểm giao dịch đều hoạt động hiệu quả, an toàn và thu hút được số lượng lớn khách hàng đến giao dịch, 99% các điểm giao dịch có lợi nhuận sau 6 tháng đi vào hoạt động.

Về phát triển sản phẩm dịch vụ

Với phương châm hoạt động luôn hướng tới khách hàng, MB đã không ngừng nghiên cứu, triển khai các sản phẩm mới nhằm đáp ứng các nhu cầu đa dạng của khách hàng.

MB đã mở rộng phát triển quan hệ với rất nhiều tổng công ty, tập đoàn lớn trong năm: Tổng công ty Sông Đà, Viettel, Công ty Xăng dầu Quân đội, Công ty XNK Cà Phê Tây Nguyên, Tập đoàn Mai Linh, Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty lương thực Miền Nam... Theo đó, MB sẽ cung cấp trọn gói các dịch vụ như tín dụng, thanh toán quốc tế, trả lương qua tài khoản, cho vay tín chấp CBNV... cho các đối tác.

Đối với các sản phẩm cho các Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Ngân hàng tiếp tục duy trì, cải tiến các sản phẩm hiện có như sản phẩm chiết khấu bộ chứng từ, sản phẩm cho vay đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu. Ngoài ra, MBBank nghiên cứu, triển khai các sản phẩm mới như thấu chi, bao thanh toán quốc tế...

Trong năm, MB đã hoàn thiện quy định nghiệp vụ quản lý tài khoản nhà đầu tư, thu chi lưu động, ban hành nghiệp vụ cho vay du học, cho vay sản xuất kinh doanh, cho vay sửa chữa nhà đất; nghiên cứu triển khai các sản phẩm Quản lý tài sản khách hàng VIP, dịch vụ kiều hối, triển khai các dịch vụ thanh toán trả trước và trả sau, Mobile Payment, Web Payment, sản phẩm tiết kiệm dự thưởng nhân dịp 14 năm thành lập MB...



Chăm sóc khách hàng

Với mong muốn nâng cao chất lượng dịch vụ, nhằm đem đến cho khách hàng của mình dịch vụ tốt nhất có thể, MB không ngừng nghiên cứu, tìm kiếm giải pháp và có những chương trình hành động cụ thể. MB đã ban hành Bộ tiêu chuẩn chất lượng phục vụ khách hàng, bộ tiêu chuẩn sản giao dịch MB. Bằng việc thống nhất và đưa ra các tiêu chuẩn, MB đã có những cải thiện đáng kể trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ.

Cùng với việc cho ra đời Bộ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ, MB còn tiến hành chương trình Khách hàng bí mật nhằm đánh giá thực trạng chất lượng dịch vụ tại các sàn giao dịch trên toàn hệ thống, cũng như đảm bảo đưa Bộ tiêu chuẩn áp dụng vào thực tế. Chương trình Khách hàng bí mật đã được triển khai theo 4 đợt, với phạm vi toàn hệ thống và đem lại kết quả tương đối chính xác về thực trạng chất lượng dịch vụ của MB. Chương trình đã phát hiện và đưa ra những điểm không phù hợp, làm ảnh hưởng tới chất lượng dịch vụ, để từ đó tìm kiếm giải pháp cải tiến chất lượng chăm sóc khách hàng một cách hiệu quả.

Ngoài ra, để nâng cao hơn nữa nhận thức và ý thức của cán bộ nhân viên, MB còn tổ chức cuộc thi Vì chất lượng Dịch vụ Vàng MB (Golden Bees) dành cho các giao dịch viên trên toàn hệ thống. Cuộc thi là cơ hội để các giao dịch viên trải nghiệm các tình huống giao tiếp với khách hàng, rèn luyện kiến thức và kỹ năng, đặc biệt là mang lại những bài học nhẹ nhàng mà sâu sắc về tầm quan trọng của khách hàng và sự cần thiết phải mang lại những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.



Về phát triển nguồn nhân lực

Đội ngũ cán bộ nhân viên Ngân hàng đã có sự tăng trưởng nhanh chóng, chất lượng tuyển dụng ngày càng được nâng cao. MB đã triển khai thành công dự án Tư vấn nhân sự bao gồm hoàn thiện chiến lược nhân sự, chuẩn hóa lại mô hình tổ chức từ hội sở đến chi nhánh, xây dựng nội dung quản trị thành tích và các chính sách nhằm phát triển nguồn lực theo hướng bền vững và chuyên nghiệp.

Năm 2008, MB đã tổ chức tuyển dụng mới 585 nhân sự bổ sung. Tổng số lượng nhân sự trên toàn hệ thống đến 31/12/2008 là 2.435 người, trong đó gần 95% là trình độ đại học và trên đại học.

Mức lương bình quân năm 2008 là 8,01 triệu đồng/tháng cao hơn đáng kể so với mức lương bình quân 5,08 triệu đồng/tháng của năm 2007

Ngân hàng đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo nhân viên trên toàn hệ thống. Từ khi đi vào hoạt động, Trung tâm đào tạo đã tổ chức 146 khóa đào tạo, hội thảo trong và ngoài nước cho 4.489 lượt cán bộ tham dự. Đồng thời, MB cũng động viên khuyến khích cán bộ nhân viên không ngừng tự học tập, trau dồi kiến thức, nghiệp vụ. Trong năm, MB tổ chức cuộc thi MB's Got Hipo, thu hút đông đảo cán bộ nhân viên tham gia. Đây là cuộc thi tìm kiếm nhân sự tài năng để MB đào tạo thành những đội ngũ kế cận trong tương lai.

Về mặt công nghệ

Sau khi triển khai thành công hệ thống phần mềm mới T24, MB tập trung phát triển và hoàn thiện một số module thuộc phạm vi dự án T24, hoàn

thành đường truyền dự phòng, xây dựng các môi trường hệ thống, đầu tư bổ sung hệ thống thiết bị phần cứng, triển khai phần mềm Thẻ và dự án Thẻ với phần mềm Way 4 của tập đoàn Open Way và đưa vào hoạt động trung tâm Contact Center. Trong kỳ, MB cũng triển khai kết nối tài khoản với các công ty chứng khoán: Đại Việt, VNS, TSC, thử kết nối dịch vụ thanh toán với Paynet, VinaPay, Mobivi...để triển khai các dịch vụ thanh toán qua Mobile, POS, electric payment.

Hoạt động kiểm soát

Nhiệm vụ kiểm soát tốt rủi ro trên tất cả các mặt hoạt động của ngân hàng luôn được đề cao. Trong năm, công tác quản trị rủi ro cũng như kiểm soát, kiểm toán nội bộ của ngân hàng hoạt động rất tích cực bằng cách tiến hành kiểm tra, rà soát chất lượng tín dụng, giám sát số liệu, an toàn kho quỹ tại các đơn vị một cách thường xuyên và đột xuất, phát hiện kịp thời những sai phạm để khắc phục, đảm bảo hệ thống hoạt động an toàn, tuân thủ các quy định của MB và quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Việc được áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đã tạo thuận lợi cho MB trong việc hoạch định và thực thi chính sách tín dụng, chính sách quản lý rủi ro tín dụng và chính sách khách hàng để đảm bảo hoạt động an toàn và hiệu quả. Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ trợ giúp MB đánh giá chất lượng của toàn bộ danh mục tín dụng, xác định một cách hợp lý, chính xác nhất tổn thất tín dụng theo từng dòng sản phẩm hoặc lĩnh vực hay ngành kinh tế, phân tích được rủi ro và lợi nhuận của các dòng sản phẩm.

Ngoài ra, công tác thu hồi, xử lý nợ xấu được thực hiện triệt để, góp phần giảm tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng xuống thấp, ở mức 1,83% so với chỉ tiêu trung bình ngành là 3,5%.

Đóng góp với cộng đồng

Thành công trong hoạt động kinh doanh, MB không quên sẻ chia tấm lòng, mở rộng vòng tay nhân ái với cộng đồng, các gia đình chính sách... bằng những hoạt động xã hội, từ thiện sôi nổi, giàu ý nghĩa và hiệu quả. Đặc biệt, coi việc sẻ chia với cộng đồng là trách nhiệm và cũng là nét văn hóa riêng, MB luôn khuyến khích cán bộ nhân viên trực tiếp tham gia các hoạt động đóng góp với cộng đồng và ngược lại, các hoạt động này cũng nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của đông đảo cán bộ nhân viên.



Với những đóng góp không ngừng đối với cộng đồng, năm 2008 MB vinh dự nhận được giải thưởng “Nhân ái Việt Nam”.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2009 được nhận định nền kinh tế toàn cầu sẽ còn tiếp tục suy thoái và chưa thể hồi phục. Nền kinh tế trong nước cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Do vậy, hoạt động ngân hàng sẽ còn gặp nhiều khó khăn, biến động phức tạp, tiềm ẩn rủi ro cao. Năm 2009, MB xác định phương hướng hoạt động “Tiếp tục giữ vững sự ổn định, đảm bảo kinh doanh an toàn, tập trung đầu tư, tăng năng lực quản trị, phát triển nguồn lực chất lượng cao, khai thác tốt nhất các chương trình hợp tác trong nhóm các công ty thuộc MB. Đồng thời tranh thủ cơ hội để đầu tư vào những lĩnh vực tiềm năng và mở rộng thị phần tạo tiền đề cho sự phát triển vào năm 2010”.

Các chỉ tiêu cụ thể được MB đặt ra cho năm 2009 như sau: Tổng tài sản tăng đạt mức 58.500 tỷ đồng, nâng dư nợ cho vay lên 21.500 tỷ đồng, vốn huy động là 45.000 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 950 tỷ đồng, nợ xấu kiểm soát dưới mức 2%.

Ngân hàng sẽ cân nhắc 2 phương án tăng vốn điều lệ trong năm 2009: phương án 1 là tăng lên tối thiểu đạt 4.400 tỷ đồng, phương án 2 là tăng lên tối thiểu đạt 5.300 tỷ đồng, tùy thuộc vào tình hình kinh tế. Đây là bước đệm trong tiến trình tăng vốn điều lệ đến 7.300 tỷ đồng vào năm 2010 theo kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thông qua.

Để hoàn thành các chỉ tiêu năm 2009, MB sẽ chú trọng vào một số giải pháp chủ yếu:

Hoàn thiện chiến lược: Trên cơ sở chiến lược 2004-2008, hoàn thiện chiến lược đến năm 2013 và tầm nhìn 2015 với mục tiêu trở thành một Ngân hàng TMCP hàng đầu Việt nam trên các mảng thị trường đã lựa chọn.

Củng cố tổ chức: Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mô hình tổ chức từ hội sở đến chi nhánh, khoa học hoá các mối quan hệ hội sở - cơ sở với các quy định cụ thể về phạm vi công việc. Tạo điều kiện tốt nhất cho cơ quan tư vấn của các công ty trực thuộc MB sử dụng tốt nhất nguồn lực, tài nguyên và phối hợp hành động để có được hiệu quả cao nhất. Ổn định tổ chức ở các điểm giao dịch. Rà soát đánh giá lại tình hình hoạt động kinh doanh của các điểm giao dịch trong hệ thống, hoàn thiện Đề án kênh bán hàng trực tuyến.

Nhân sự - đào tạo: Nâng cao năng lực điều hành của cán bộ quản lý các cấp, bổ sung kịp thời nguồn lực cho sự phát triển; Hoàn thiện đề án quản trị nhân sự; Nâng cao tính chuyên nghiệp cho nhân viên Ngân hàng; Hoàn thiện hệ thống chính sách đảm bảo khuyến khích lao động sáng tạo, thu hút được nguồn lực có chất lượng cao (tiền lương, thưởng, cơ hội làm việc, học tập, khuyến khích tài năng, cơ hội thăng tiến ...); Đề cao tính tuân thủ và đạo đức nghề nghiệp; Chú trọng chất lượng và loại hình đào tạo, triển khai các chương trình đào tạo theo hướng khuyến khích đào tạo, đào tạo lại để chuẩn bị đội ngũ cho một giai đoạn hội nhập sâu hơn.

Tiếp tục hoàn thiện các dự án: Khai thác một cách có hiệu quả tính ưu việt của hệ thống Corebanking, phát triển mạnh các sản phẩm ngân hàng bán lẻ đặc biệt là sản phẩm ngân hàng điện tử. Tiếp tục đầu tư các Module về quản trị và nâng cao năng lực vận hành hệ thống. Triển khai dự án quản trị chất lượng ISO và quản trị mối quan hệ khách hàng CRM.

Tiếp tục triển khai chương trình phát triển thương hiệu MB, tổ chức các chương trình hướng tới sự kiện kỷ niệm 15 năm thành lập MB với slogan “MB – 15 năm vững vàng tin cậy” và các sự kiện quan trọng khác. Xây dựng kế hoạch truyền thông trên cơ sở kế hoạch phát triển thương hiệu đảm bảo tính nhất quán, sáng tạo và hiệu quả. MB cũng tiếp tục vun đắp và phát triển văn hóa doanh nghiệp đậm đà bản sắc đồng thời đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nội bộ, xây dựng nền tảng để truyền thông tới công chúng.

Kiểm soát chặt chẽ rủi ro: Trên cơ sở không ngừng củng cố các cơ sở hạ tầng kiểm soát rủi ro đặc biệt là hệ thống quản lý rủi ro và kiểm tra kiểm soát nội bộ; Tiếp tục hoàn thiện các quy trình, quy chế, kiểm soát tốt sự tuân thủ; Chấp hành nghiêm túc các quy chế chính sách và pháp luật hiện hành; Đảm bảo an toàn hệ thống các sản phẩm giao dịch, kho tàng, vận chuyển, kiểm đếm tiền mặt ngăn chặn kịp thời những biểu hiện tiêu cực và rủi ro hoạt động.

Ban điều hành tin tưởng rằng với sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, kết hợp với sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ nhân viên MB, đồng thời luôn chủ động dự báo để ứng phó với tình hình kinh tế, MB sẽ tiếp tục vượt qua các khó khăn, thử thách và hoàn thành tốt các mục tiêu kế hoạch đề ra.

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của MB

Hiện nay không có công ty nào nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của MB.

Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do MB nắm giữ

Công ty con	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tổng % đầu tư
Công ty cổ phần chứng khoán Thăng Long	Số 0104000003 ngày 5 tháng 6 năm 2000 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp	Đầu tư và kinh doanh Chứng khoán	83,33%
Công ty cổ phần quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Hà Nội	Số 0104000473 ngày 19 tháng 9 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp	Quản lý quỹ đầu tư	60%
Công ty Quản lý Nợ và khai thác tài sản MB	Số 0104000066 ngày 11 tháng 9 năm 2002 do Sở kế hoạch và đầu tư Hà Nội cấp	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
Công ty Cổ phần địa ốc MB	Số 0103022148 ngày 25 tháng 1 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp	Kinh doanh bất động sản	65,26%



Tóm tắt hoạt động và tình hình tài chính của các Công ty con có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do MB nắm giữ

Công ty chứng khoán Thăng Long

Thị trường chứng khoán năm 2008 trải qua nhiều biến động xấu. Giao dịch sụt giảm. Phần lớn các chứng khoán đều giảm giá tới 70% - 80%. Đa số các nhà đầu tư thua lỗ nặng nề, các công ty chứng khoán làm ăn thua lỗ phải thu hẹp quy mô. Trong điều kiện đó, Công ty chứng khoán Thăng Long vẫn đảm bảo hoạt động lành mạnh, cân bằng thu chi và không bị lỗ. Trong năm, công ty đã tiến hành các thủ tục để tăng vốn điều lệ lên 420 tỷ theo kế hoạch. Đồng thời, thực hiện các hoạt động củng cố tổ chức, bổ sung nhân sự, thực hiện ISO về quản lý chất lượng, chạy phần mềm CNTT mới.... Đặc biệt, năm 2008 là năm ghi nhận sự trưởng thành vượt bậc của đội ngũ nhân viên TSC. Công ty đã nghiên cứu và xây dựng rất nhiều mô hình phân tích, đánh giá, dự báo tình hình biến động của giá chứng khoán, được các nhà đầu tư đánh giá cao.

Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản (AMC)

Hoạt động xử lý, thu hồi nợ của công ty đã thu hồi được 34,342 tỷ đồng nợ xấu cho Ngân hàng. Trong năm, công ty đã thiết kế, xây dựng, cải tạo và nâng cấp 40 điểm giao dịch, 30 máy ATM phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Đồng thời, Công ty tập trung vào tiếp nhận và tổ chức khai thác các toà nhà và tiếp tục triển khai bán các tài sản đảm bảo nợ vay, triển khai các dự án của Ngân hàng thực hiện theo kế hoạch đề ra.

Công ty cổ phần quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Hà Nội (HFM)

Hoạt động của HFM trong thời gian vừa qua chủ yếu tập trung củng cố bộ máy tổ chức nhân sự, hoàn thành việc xây dựng và ban hành các quy trình, quy chế nghiệp vụ trên cơ sở Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ do Bộ tài chính ban hành. Tháng 9/2008, HFM đã tổ chức lễ ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược với Saigon Asset Management Corporation (SAM) và Quỹ đầu tư Vietnam Equity Holding (VEH), một quỹ đầu tư với quy mô vốn khoảng 80 triệu USD, niêm yết tại CH Liên Bang Đức, theo đó HFM cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư cho VEH. Điều này phần nào đã thể hiện uy tín và năng lực của Công ty trên thị trường. Kết thúc năm tài chính, HFM là một trong 5 công ty quản lý quỹ có giá trị tài sản quản lý lớn nhất tại Việt Nam và HFM vẫn đảm bảo kinh doanh có lãi.

Công ty cổ phần Địa ốc MB (MB Land)

Năm 2008, MBLand đã tiến hành hoàn thiện bộ máy tổ chức, xây dựng điều lệ, nội quy lao động, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, bổ sung nhân sự, tổng nhân sự hiện nay là 142 người... Đồng thời, công ty đã tích cực triển khai một số dự án đầu tư có tính khả thi cao ở một số khu vực trọng điểm.



Tổ chức & nhân sự

MÔ HÌNH TỔ CHỨC



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÁC ỦY BAN CAO CẤP

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG TÍN DỤNG

PHÒNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

TỔNG GIÁM ĐỐC

- Quản lý rủi ro
- Quản lý tín dụng
- Quản lý thu nợ

KHOẢNG QUẢN LÝ RỦI RO

QUẢN LÝ HỆ THỐNG

- Kế hoạch tổng hợp
- Pháp chế
- Truyền thông
- Kế toán và tài chính
- Công nghệ thông tin
- Tổ chức nhân sự
- Chính trị
- Văn phòng phía Nam

HỖ TRỢ KINH DOANH

HỖ TRỢ KINH DOANH

- Thanh toán quốc tế
- Trung tâm thanh toán
- Hỗ trợ kinh doanh

HÀNH CHÍNH & QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

- Hành chính
- Trang bị và Quản lý tài sản
- Quản lý chất lượng
- Contact Center

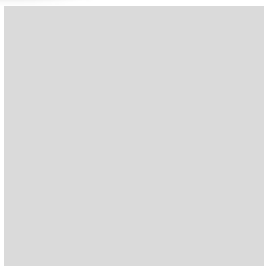
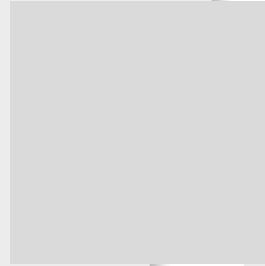
QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI

- Các chi nhánh
- Mạng lưới điện tử
- Phát triển mạng lưới

KHOẢNG KINH DOANH

TREASURY

- Doanh nghiệp lớn và Định chế Tài chính
- Doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Khách hàng cá nhân
- Đầu tư



1	2	3	
	4	5	6
		7	8
			9

BAN ĐIỀU HÀNH

1. Ông Lê Văn Bé

Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Bé là cử nhân kinh tế, giữ cương vị Tổng giám đốc từ năm 1996 tới nay. Tổng giám đốc là người có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động theo đúng pháp luật, đồng thời là người tham mưu cho Hội đồng quản trị về mặt hoạch định các mục tiêu chính sách. Giúp việc cho Tổng giám đốc có các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính và các bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

2. Ông Lê Công

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Công là cử nhân kinh tế Đại học Tài chính kế toán và Đại học bách khoa Hà Nội, thạc sỹ kinh tế Học viện Hậu cần, công tác tại MB từ những ngày đầu thành lập. Ông đồng thời là Trưởng khối doanh nghiệp nhỏ và vừa, Chủ tịch HĐQT Công ty bảo hiểm quân đội, nơi MB là cổ đông lớn.

3. Ông Đỗ Văn Hưng

Phó Tổng Giám đốc

Ông Hưng có trên 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng, là cử nhân Ngân hàng. Tài chính Đại học Kinh tế Quốc dân và cử nhân. Tiếng Anh Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Tại MB, ông Hưng được giao phụ trách khối hỗ trợ kinh doanh.

4. Ông Lê Văn Minh

Phó Tổng Giám đốc

Tốt nghiệp cử nhân Học viện ngân hàng, sau nhiều năm đảm nhiệm vị trí phó phòng tài chính Quân khu 3, Kế toán trưởng Tổng Công ty Sông Hồng, ông Minh được bổ nhiệm giữ chức Phó tổng giám đốc MB tháng 11/2000. Ông Minh được giao trực tiếp điều hành hoạt động của Sở giao dịch Hà nội của MB.

5. Ông Đặng Quốc Tiến

Phó Tổng Giám đốc

Trước khi gia nhập MB tháng 6/1996, Ông Đặng Quốc Tiến phụ trách kinh tế đối ngoại Quân khu 7-Bộ Quốc phòng. Ông Tiến có bằng Cử nhân kinh tế Đại học Ngoại thương, thạc sỹ kinh tế Pacific Western University, đã tham gia các khóa đào tạo Chuyên viên thị trường chứng khoán tại Học viện ngân hàng và Chuyên viên Quản trị kinh doanh tại Đại học Quốc gia Hà nội. Ông Tiến được giao nhiệm vụ phụ trách khu vực miền Nam.

6. Bà Vũ Thị Hải Phượng

Phó Tổng Giám đốc

Là một trong những nhân sự đầu tiên của MB từ năm 1994, với những thành tích lao động tốt, bà Phượng đã được giao nhiều trọng trách quan trọng: Trưởng

Phòng giao dịch (1998 – 2004), Phó giám đốc – Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ (2004 -2007). Bà Phượng tốt nghiệp Thạc sỹ Tài chính tiền tệ tại Học viện Ngân hàng. Hiện tại bà phụ trách khối khách hàng lớn và các định chế tài chính.

7. Bà Cao Thị Thúy Nga

Phó Tổng Giám đốc

Bà Cao Thị Thúy Nga có 11 năm kinh nghiệm làm tín dụng tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam và hơn 12 năm làm Kế toán trưởng kiêm phụ trách Nhân sự tại Ngân hàng liên doanh VIDPUBLIC. Bà tốt nghiệp Thạc sỹ Đại học Tài chính và đã tham gia các khóa học kiểm toán quốc tế tại Công ty Kiểm toán Việt Nam.

Là người có nhiều đóng góp trong việc xây dựng thương hiệu MB, bà Nga hiện được giao phụ trách khối hành chính và quản lý chất lượng, quản lý và phát triển mạng lưới, truyền thông.

8. Ông Lưu Trung Thái

Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm tháng 4/2008)

Gia nhập MB từ năm 1997, Ông Thái đã được giao nhiều trọng trách: phụ trách phòng Tín dụng hội sở, Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng - phụ trách khu vực Miền Trung, Giám đốc nhân sự...

Tốt nghiệp cử nhân Học viện Ngân hàng, cử nhân luật, MBA đại học Hawaii - USA, Ông Thái được coi là người đặt nền móng phát triển MB tại khu vực miền Trung. Được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc tháng 4/2008, Ông Thái hiện phụ trách Khối Tổ chức Nhân sự, Khách hàng cá nhân và Công nghệ thông tin.

9. Bà Phạm Thị Tỷ

Giám đốc Tài chính

Tốt nghiệp Đại học Tài chính – Kế toán, trước khi trở thành Giám đốc Tài chính MB, bà Tỷ từng công tác tại Vụ Kế toán – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Công thương Ba Đình trong gần 10 năm. Khi thành lập MB, bà Tỷ đảm nhiệm cương vị Kế toán trưởng và sau đó là Giám đốc Tài chính.



1	2	3	
	4	5	6

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với chức năng là cơ quan quản trị Ngân hàng do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền thực hiện. Hội đồng Quản trị cử ra Thường trực Hội đồng Quản trị để thường xuyên theo dõi tình hình hoạt động của Ngân hàng và kịp thời xử lý các vấn đề vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc. Trong năm 2008, Hội đồng Quản trị, Thường trực Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo sâu sát Ban Tổng Giám đốc hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm 2008 và ban hành các Quy trình nghiệp vụ, quy chế đảm bảo hoạt động tuân thủ quy định pháp luật và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh...

1. Ông Trương Quang Khánh

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT MB tháng 5/2008, Trung tướng Trương Quang Khánh đã có những định hướng kịp thời, góp phần đưa MB vượt qua năm 2008 với những kết quả nổi bật.

Tốt nghiệp tiến sỹ, thông thạo hai ngoại ngữ Tiếng Nga và Tiếng Anh, ông hiện là Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Đại biểu Quốc hội và Thứ trưởng Bộ quốc phòng.

2. Ông Phạm Viết Thích

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Viết Thích là người có nhiều đóng góp cho sự phát triển của MB với nhiều năm liên giữ chức Phó Chủ tịch HĐQT. Tốt nghiệp cử nhân kinh tế, Ông Thích có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và quản trị doanh nghiệp. Ông hiện là Cục phó cục Kinh tế - Bộ Quốc phòng.

3. Ông Lê Văn Bé

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Bé hiện là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc MB. Ông đã từng trải qua các chức vụ về quản lý tài chính nhà nước tại cơ quan Bộ Quốc phòng. Là người trực tiếp tham gia xây dựng Đề án thành lập MB, ông luôn giữ vai trò là người lãnh đạo xuất sắc của MB với 15 năm không ngừng lớn mạnh và khẳng định vị thế trên thị trường tài chính Việt Nam. Ông là người hết sức quan tâm đến việc xây dựng và phát triển văn hoá doanh nghiệp, coi đây là nhân tố gắn kết nội bộ, tạo sức mạnh thành công. Ông Lê Văn Bé hiện đồng thời giữ chức Chủ tịch HĐQT của Công ty chứng khoán Thăng Long, Công ty quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội và Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản - các công ty thành viên của MB.

4. Ông Lê Văn Đạo

Thành viên Hội đồng Quản trị

Tốt nghiệp thạc sỹ kinh tế trường Đại học Hàng hải, Ông Lê Văn Đạo từng trải qua các cương vị quan trọng như Giám đốc Quân cảng Sài Gòn, và hiện là Phó Đô đốc hải quân... Ông có trên 30 năm kinh nghiệm quản lý, trong đó hơn 6 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị điều hành tài chính ngân hàng.

5. Bà Nguyễn Thị Bảo

Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Bảo tốt nghiệp cử nhân Đại học Ngoại thương, Thạc sỹ Cao học Việt Bi - Trường Đại học tự do Bruxelles Bỉ và Đại học Kinh tế Quốc dân. Bà Bảo là người dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng với hơn 30 năm công tác tại Ngân hàng ngoại thương Việt Nam. Trước khi được bổ nhiệm là Phó giám đốc Sở giao dịch, bà từng giữ các chức vụ Phó phòng Đầu tư Bảo lãnh, Trưởng phòng Tín dụng, Trưởng phòng Thẩm định và Đầu tư chứng khoán Vietcombank.

6. Ông Đậu Quang Lành

Thành viên Hội đồng Quản trị

Tốt nghiệp thạc sỹ kinh tế Đại học Kinh tế quốc dân, Ông Lành đã trải qua nhiều vị trí quản lý tài chính và quản lý doanh nghiệp. Hiện nay, ông đồng thời là Tổng Giám đốc Tổng Công ty May 28 – Bộ Quốc phòng.



1

2

3

4

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát chấp hành chế độ hạch toán kế toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của MB.

1. Ông Nguyễn Đình Kham

Trưởng ban Kiểm soát

Là người giàu kinh nghiệm nhất với 53 năm trong ngành tài chính – ngân hàng, ông Kham hiện là Trưởng ban Kiểm soát của MB. Trước khi giữ cương vị này, ông đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý khác nhau tại Cục tài chính - Bộ Quốc phòng.

2. Ông Nguyễn Xuân Trường

Thành viên Ban Kiểm soát

Trước khi trở thành thành viên Ban Kiểm soát vào năm 2005, ông Trường là Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản trị giai đoạn 1994 -2005 của MB đồng thời nắm giữ các vị trí quản lý tài chính doanh nghiệp quan trọng của Bộ Quốc phòng.

3. Ông Nguyễn Tiến Hùng

Thành viên Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp Học viện Tài chính, ông Hùng đã có nhiều năm đảm nhiệm các vị trí kiểm soát tài chính tại các doanh nghiệp, bao gồm cả doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài. Từ tháng 10/2002 đến nay, ông đảm nhiệm vai trò Kế toán trưởng và sau đó là Phó Giám đốc Công ty Tây Hồ thuộc Bộ Quốc Phòng.

4. Bà Lê Thị Đương

Thành viên Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp Học viện Tài chính, bà Đương từng giữ các chức vụ Phó Giám đốc Xí nghiệp khoa học sản xuất thiết bị thông tin I, Phó Giám đốc Công ty điện toán truyền số liệu Bưu điện, Phó giám đốc Ban quản lý công trình cáp sợi quang Hà Nội, Thành viên Ban kiểm soát thuộc Hội đồng Quản trị - Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam và Ủy viên HĐQT kiêm giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện. Từ năm 2005, bà chính thức trở thành Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Quân đội

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Với chức năng là cơ quan quản trị Ngân hàng do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền thực hiện. Hội đồng Quản trị cử ra Thường trực Hội đồng Quản trị để thường xuyên theo dõi tình hình hoạt động của Ngân hàng và kịp thời xử lý các vấn đề vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc. Trong năm 2008, Hội đồng Quản trị, Thường trực Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo sâu sát Ban Tổng Giám đốc hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm 2008 và ban hành các Quy trình nghiệp vụ, quy chế đảm bảo hoạt động tuân thủ quy định pháp luật và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát chấp hành chế độ hạch toán kế toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của MB.

Các ủy ban trong Hội đồng Quản Trị

Ủy ban tín dụng và đầu tư: xem xét, cho ý kiến, báo cáo Thường trực HĐQT quyết định các vấn đề tín dụng và đầu tư vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

Ủy ban Nhân sự và chính sách đãi ngộ: xem xét, cho ý kiến và đề xuất Thường trực HĐQT các vấn đề bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi miễn, cách chức, điều chuyển, sa thải các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT; các chính sách tiền lương, khen thưởng, kỷ luật của MB; cho ý kiến đối với các quy chế nhân sự liên quan.

Ủy ban Quản lý rủi ro: quyết định các vấn đề ban hành chính sách quản lý rủi ro, chính sách xử lý rủi ro, trực tiếp xem xét và báo cáo Thường trực HĐQT quyết định việc xử lý rủi ro từ Quỹ dự phòng rủi ro.

Ủy ban Tài chính: trực tiếp xem xét và báo cáo Thường trực HĐQT quyết định các vấn đề chi tiêu, bao gồm cả mua sắm tài sản cố định, phương tiện làm việc vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

Quyền lợi của thành viên HĐQT: Các thành viên HĐQT không có những giao dịch kinh doanh với MB cũng như các quyền lợi hoặc lợi ích có sự xung đột với quyền lợi hoặc lợi ích của MB.

Việc bầu lại ít nhất 1/3 thành viên HĐQT và Ban kiểm soát

Trong năm 2008, không xảy ra sự kiện bầu lại ít nhất 1/3 thành viên HĐQT, BKS

Thù lao cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được nhận thù lao do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo từng năm.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị

Tên	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2007	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2008
Trương Quang Khánh	0%	0,019%
Phạm Viết Thích	0,06%	0,054%
Lê Văn Bé	0,30%	0,229%
Lê Văn Đạo	0,01%	0,012%
Đậu Quang Lành	0,02%	0,017%
Nguyễn Thị Bảo	0%	0%

DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

Cổ đông trong nước
Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Thế nhân	7.875	167.423.401	49,24%
Pháp nhân	98	172.576.599	50,76%
Cộng	7.973	340.000.000	100%

Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn
Tại danh sách cổ đông ngày 31/12/2008, MB có ba cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên).

Tên	Địa chỉ liên lạc	Ngành nghề hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Bay dịch vụ	172 đường Trường Chinh, Tp. Hà Nội	Bay dịch vụ	40.771.646	11,99%
Tổng Công ty Viễn Thông Quân đội	Số 1 Giang Văn Minh, Tp. Hà Nội	Viễn Thông	34.000.000	10%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	198 Trần Quang Khải, Tp. Hà Nội	Ngân hàng	27.160.058	7,99%

Biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông lớn

Tên	Địa chỉ liên lạc	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2007	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2008
Tổng Công ty Bay dịch vụ	172 đường Trường Chinh, Tp. Hà Nội	14,21%	11,99%
Tổng Công ty Viễn Thông Quân đội	Số 1 Giang Văn Minh, Tp. Hà Nội	0%	10%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	198 Trần Quang Khải, Tp. Hà Nội	6,31%	7,99%



Báo cáo tài chính

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	38 - 40
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	41
 CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	42 - 44
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	45
BÁO CÁO LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI HỢP NHẤT	46
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	47 - 48
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	49 - 92

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 0054/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 14 tháng 9 năm 1994 và Quyết định số 00374/GP-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 50 năm và Ngân hàng chính thức đi vào hoạt động ngày 4 tháng 11 năm 1994.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở giao dịch, bốn (4) công ty con tại Việt Nam, hai (2) công ty liên kết và ba mươi tư (34) chi nhánh và năm mươi tư (54) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT VÀ CỔ TỨC

Tóm tắt về kết quả kinh doanh hợp nhất và chi trả cổ tức của Ngân hàng như sau:

	Năm nay triệu đồng	Năm trước triệu đồng
Lợi nhuận thuần trong năm	703.368	491.683
Cổ tức trả trong năm	763.774	55.136
Lợi nhuận chưa phân phối	288.766	537.732

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính 2008 gồm:

Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Trương Quang Khánh	Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 06 năm 2008
Ông Phạm Tuấn	Chủ tịch	Miễn nhiệm vào ngày 26 tháng 06 năm 2008
Ông Phạm Việt Thích	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 16 tháng 06 năm 2005
Ông Lê Văn Bé	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 16 tháng 06 năm 2005
Ông Lê Văn Đạo	Ủy viên	Bổ nhiệm vào ngày 16 tháng 06 năm 2005
Ông Đậu Quang Lành	Ủy viên	Bổ nhiệm vào ngày 16 tháng 06 năm 2005
Bà Nguyễn Thị Bảo	Ủy viên	Bổ nhiệm vào ngày 16 tháng 06 năm 2005

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính 2008 gồm:

Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đình Kham	Trưởng ban	Bổ nhiệm vào ngày 16 tháng 06 năm 2005
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 16 tháng 06 năm 2005
Ông Nguyễn Xuân Trường	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 16 tháng 06 năm 2005
Bà Lê Thị Đươn	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 16 tháng 06 năm 2005

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Ngân hàng.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính 2008 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành của Ngân hàng:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Ngân hàng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành của Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành của Ngân hàng đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị:

A red circular stamp of the Vietnam Military Bank (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội) is positioned to the left of a handwritten signature. The stamp contains the text "NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI" and "Đ. B. Đ. Đ. - TP. HÀ NỘI". The signature is written in black ink over a horizontal line.

Ông Lê Văn Bé
Phó Chủ tịch thường trực

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2009

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 60755036/13547778

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (“Ngân hàng”) và các công ty con, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (sau đây được gọi chung là “các báo cáo tài chính hợp nhất”) được trình bày từ trang 42 đến trang 92. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 được kiểm toán bởi một kiểm toán viên khác và báo cáo kiểm toán của họ đề ngày 15 tháng 04 năm 2008 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn bộ đối với các báo cáo tài chính này.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Handwritten signature of Võ Tấn Hoàng Văn

Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0264/KTV

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2009

Handwritten signature of Nguyễn Phương Nga

Nguyễn Phương Nga
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0763/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Thuyết minh	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3	411.633	352.321
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	4	515.139	191.318
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	5	16.010.231	14.014.064
Chứng khoán kinh doanh		150.175	290.547
Chứng khoán kinh doanh	6	208.878	297.058
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	11	(58.703)	(6.511)
Cho vay khách hàng		15.493.509	11.468.799
Cho vay khách hàng	7	15.740.426	11.612.575
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8	(246.917)	(143.776)
Chứng khoán đầu tư	9	8.477.960	1.675.726
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	9.1	6.053.818	373.101
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	9.2	2.542.981	1.302.625
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	11	(118.839)	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn	10	1.180.427	811.115
Đầu tư vào công ty liên kết	10.1	68.783	4.125
Đầu tư dài hạn khác	10.2	1.362.321	806.990
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	11	(250.677)	-
Tài sản cố định	12	629.394	234.445
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>12.1</i>	<i>256.618</i>	<i>157.179</i>
Nguyên giá tài sản cố định		368.665	230.912
Hao mòn tài sản cố định		(112.047)	(73.733)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>12.2</i>	<i>372.776</i>	<i>77.266</i>
Nguyên giá tài sản cố định		389.652	86.200
Hao mòn tài sản cố định		(16.876)	(8.934)
Bất động sản đầu tư	13	515.906	114.838
Nguyên giá bất động sản đầu tư		516.071	115.267
Hao mòn bất động sản đầu tư		(165)	(429)
Tài sản có khác		961.732	470.409
Các khoản lãi và phí phải thu		702.673	190.575
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		17.955	10.065
Các khoản phải thu	14	149.675	131.107
Tài sản có khác		91.429	138.662
TỔNG TÀI SẢN		44.346.106	29.623.582

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Thuyết minh	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN		-	68.547
Tiền gửi và vay của các TCTD khác	15	8.531.866	4.992.934
Tiền gửi của khách hàng	16	27.162.881	17.784.837
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay	17	834.361	290.126
Phát hành giấy tờ có giá	18	2.137.326	2.020.000
Các khoản nợ khác		1.003.019	917.272
Các khoản lãi, phí phải trả		403.425	258.187
Thuế phải trả	21	80.989	89.086
Các khoản nợ khác	19	401.765	516.434
Dự phòng cho cam kết ngoại bảng	20	116.840	53.565
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		39.669.453	26.073.716
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn và các quỹ			
<i>Vốn của TCTD</i>	22	3.939.725	2.815.946
Vốn điều lệ		3.400.000	2.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		30.200	306.421
Vốn khác		509.525	509.525
<i>Quỹ của TCTD</i>	22	195.573	125.843
<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	22	288.766	537.732
<i>Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>	22	252.589	70.345
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		44.346.106	29.623.582

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Thuyết minh	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Cam kết bảo lãnh		3.726.792	2.788.197
Cam kết thu tín dụng		10.124.777	10.196.649
Các cam kết cho vay chưa giải ngân		2.523.628	850.403
Các cam kết ngoại bảng	33	<u>16.375.197</u>	<u>13.835.249</u>

Người lập



Bà Nguyễn Thu Hương
Phó phòng Kế toán

Người phê duyệt



Bà Phạm Thị Tỷ
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt



Ông Lê Văn Bé
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Thuyết minh	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	3.679.299	1.581.122
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(2.258.587)	(947.805)
THU NHẬP LÃI THUẦN		1.420.712	633.317
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		261.986	204.905
Chi phí hoạt động dịch vụ		(70.778)	(13.190)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	26	191.208	191.715
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27	101.403	21.124
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và kinh doanh	28	(167.710)	83.067
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh khác	29	289.191	90.842
Lãi/(lỗ) thuần từ góp vốn vào công ty liên kết		(1.029)	-
Chi phí dự phòng đầu tư dài hạn	11	(250.677)	-
Thu nhập cổ tức từ góp vốn mua cổ phần		54.986	34.367
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		1.638.084	1.054.432
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
Chi phí tiền lương		(234.025)	(118.146)
Chi phí khấu hao và khấu trừ	12	(66.247)	(39.695)
Chi phí hoạt động khác	30	(255.166)	(203.044)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(555.438)	(360.885)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.082.646	693.547
Chi phí dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8	(158.488)	(40.845)
Chi phí dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng	20	(63.275)	(43.716)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		860.883	608.986
Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	(164.678)	(116.378)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	21	-	-
LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM		696.205	492.608
Lợi ích của cổ đông thiểu số		(7.163)	925
LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM CỦA NGÂN HÀNG		703.368	491.683
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	22.3	3.173	4.187
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	22.3	2.366	3.073

Người lập



Bà Nguyễn Thu Hương
Phó phòng Kế toán

Người phê duyệt



Bà Phạm Thị Tỷ
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt



Ông Lê Văn Bé
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2009

BÁO CÁO LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Thuyết minh	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI ĐẦU NĂM	22.1	537.732	195.854
Lợi nhuận thuần trong năm		703.368	491.683
LỢI NHUẬN TRƯỚC KHI PHÂN PHỐI		1.241.100	687.537
- Tăng vốn từ lợi nhuận để lại		(373.579)	-
- Trích bổ sung các quỹ của năm trước		(140.902)	(94.884)
- Tạm trích các quỹ năm hiện hành		(28.187)	-
- Tạm ứng cổ tức cho năm hiện hành		(400.014)	-
- Trả cổ tức các năm trước		(7.302)	(55.136)
- Các loại thuế phải nộp thêm theo biên bản quyết toán thuế		(2.350)	-
- Các khoản khác		-	215
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI CUỐI NĂM	22.1	288.766	537.732

Người lập


Bà Nguyễn Thu Hương
Phó phòng Kế toán

Người phê duyệt


Bà Phạm Thị Tý
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt




Ông Lê Văn Bé
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Thuyết minh	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu lãi và các khoản thu tương tự nhận được		3.167.201	1.475.665
Chi lãi và các khoản chi tương tự đã trả		(2.113.348)	(821.113)
Thu từ hoạt động dịch vụ		261.987	204.905
Chi từ hoạt động dịch vụ		(70.778)	(13.190)
Thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		101.403	21.124
Thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán đầu tư		3.321	89.552
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh khác		7.992	90.842
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		8.364	-
Chi cho nhân viên		(219.715)	(118.146)
Chi hoạt động khác		(252.634)	(202.987)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	21	(176.687)	(50.056)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		717.106	676.596
<i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i>			
(Tăng)/Giảm các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác		4.674.374	(4.595.406)
(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(4.183.198)	(5.673.595)
(Tăng)/Giảm tài sản có khác		18.243	(179.603)
<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>			
Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(68.547)	38.547
Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi của các TCTD khác		3.538.932	3.821.704
Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng		9.378.044	7.472.218
Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay		544.235	201.558
Tăng/(Giảm) khác của các khoản nợ khác		(237.709)	278.947
Sử dụng các quỹ		(94.139)	(48.249)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		14.287.341	1.992.717
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
(Tăng)/Giảm tài sản cố định		(168.371)	(112.676)
(Tăng)/Giảm góp vốn đầu tư dài hạn		(618.296)	(595.694)
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh		88.180	34.332
(Tăng)/Giảm chứng khoán đầu tư		(6.921.073)	(1.807.272)
Mua sắm bất động sản đầu tư		(400.804)	(97.808)
Cổ tức nhận được trong năm bằng tiền		52.264	34.367
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.968.100)	(2.544.751)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Thuyết minh	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Tăng/(Giảm) vốn cổ phần	22.1	530.200	1.203.625
Tăng/(Giảm) phát hành trái phiếu		337.326	2.309.525
Phát hành cổ phiếu cho các cổ đông thiểu số		185.000	66.000
Cổ tức trả cho các cổ đông		(318.205)	(55.136)
Tăng/(Giảm) các quỹ của TCTD		<u>112</u>	<u>581</u>
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		734.433	3.524.595
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		<u>7.053.674</u>	<u>2.972.561</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	31	<u>7.913.486</u>	<u>4.940.925</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	31	<u>14.967.160</u>	<u>7.913.486</u>

Người lập



Bà Nguyễn Thu Hương
Phó phòng Kế toán

Người phê duyệt



Bà Phạm Thị Tỷ
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt



Ông Lê Văn Bé
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2009

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”); tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là Military Commercial Joint Stock Bank là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 0054/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 14 tháng 9 năm 1994 và Quyết định số 00374/GP-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 50 năm và Ngân hàng chính thức đi vào hoạt động ngày 4 tháng 11 năm 1994.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Ngân hàng khi thành lập vào năm 1994 là 20.000 triệu đồng và được bổ sung theo từng thời kỳ theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông. Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 3.400.000 triệu đồng (năm 2007: 2.000.000 triệu đồng).

Ban Điều hành

Các thành viên Ban Điều hành trong năm tài chính 2008 gồm:

Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Lê Văn Bé	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 16 tháng 10 năm 1995
Ông Lê Công	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 21 tháng 04 năm 1997
Ông Đặng Quốc Tiến	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 07 tháng 05 năm 2002
Ông Lê Văn Minh	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 10 năm 2002
Ông Đỗ Văn Hưng	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 18 tháng 10 năm 2005
Bà Cao Thị Thúy Nga	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 01 năm 2006
Bà Vũ Thị Hải Phượng	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 11 tháng 06 năm 2007
Ông Lưu Trung Thái	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 04 năm 2008
Bà Phạm Thị Tỷ	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm vào ngày 14 tháng 11 năm 2005

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG (tiếp theo)

Trụ sở

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội có trụ sở chính đặt tại số 3, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội. Vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở giao dịch, bốn (4) công ty con tại Việt Nam, hai (2) công ty liên kết và ba mươi tư (34) chi nhánh và năm mươi tư (54) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng có bốn (4) công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Giấy phép hoạt động số	Lĩnh vực hoạt động	Tỉ lệ % sở hữu của Ngân hàng
1	Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội	0104000066 ngày 11 tháng 9 năm 2002 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long	0104000003 ngày 5 tháng 6 năm 2000 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp	Đầu tư và kinh doanh chứng khoán	83,33%
3	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Hà Nội	0104000473 ngày 19 tháng 9 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp	Quản lý quỹ đầu tư	60%
4	Công ty Cổ phần Địa ốc MB	0103022148 ngày 25 tháng 1 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp	Kinh doanh bất động sản	65,26%

Công ty Liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng có hai (2) công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Giấy phép hoạt động số	Lĩnh vực hoạt động	Tỉ lệ % sở hữu của Ngân hàng
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Du lịch Lạng Sơn	1403000075 ngày 13 tháng 10 năm 2004 (thay đổi ngày 16 tháng 11 năm 2006) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Lạng Sơn cấp	Dịch vụ khách sạn	33,30%
2	Công ty Cổ phần Long Thuận Lộc	4703000542 ngày 19 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Nai cấp	Xây dựng công trình	29,37%

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 2.435 người (năm 2007: 1.850 người).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 *Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng*

Tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam

Ban Điều hành Ngân hàng khẳng định các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam.

Cơ sở lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng” hay “triệu VNĐ”), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2004, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lợi nhuận để lại hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.3 *Số liệu so sánh*

Một vài số liệu so sánh đã được trình bày lại cho phù hợp với hình thức trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ hiện tại.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.4 *Hợp nhất các báo cáo tài chính*

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng và của các công ty con tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của các công ty con có cùng niên độ lập báo cáo và sử dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán với Ngân hàng.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Báo cáo tài chính của các công ty con (như được trình bày trong Thuyết minh số 1) được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng theo phương pháp hợp nhất toàn phần bắt đầu từ ngày Ngân hàng có quyền kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền, trực tiếp hay gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các đơn vị đó. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con mới được mua hoặc mới được thanh lý trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất một cách hợp lý tính từ ngày mua hoặc tính đến ngày thanh lý.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hay gián tiếp thông qua các công ty con. Lợi ích của cổ đông thiểu số được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất thành chi tiêu tách biệt với nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng. Phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong thu nhập của hệ thống Ngân hàng cũng được trình bày thành chi tiêu riêng biệt.

2.5 *Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng*

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

2.6 *Dự phòng rủi ro tín dụng*

2.6.1 *Đối với dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng*

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 1998, Luật Sửa đổi và Bổ sung một số Điều trong Luật Các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2004, Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định 18/2007/QĐ NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng. Theo đó, các khách hàng vay được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn*, *Nợ cần chú ý*, *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản vay.

Trong năm 2008, Ngân hàng đã đăng ký và được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Công văn số 8738/NHNN-CNHN ngày 25 tháng 9 năm 2008 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép Ngân hàng áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ để phân loại các khoản cho vay khách hàng theo Điều 7, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN. Theo hệ thống này, các khoản vay của Ngân hàng sẽ được đánh giá và phân loại dựa trên cả hai yếu tố là định tính và định lượng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.6 Dự phòng rủi ro tín dụng (tiếp theo)

2.6.1 Đối với dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN.

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Các khoản nợ được phân loại là *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* được coi là nợ xấu.

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, trong vòng 5 năm kể từ tháng 5 năm 2005, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng đã thực hiện trích lập dự phòng chung theo tỷ lệ 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4 (xem Thuyết minh số 8).

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Chi tiết về phân loại nợ, tính toán dự phòng và số dự phòng Ngân hàng thực tế hạch toán cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 được trình bày ở Thuyết minh số 8.

2.6.2 Đối với các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng mua bán chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long, là công ty con của Ngân hàng

Các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng được Ngân hàng và Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long xem xét trích lập dự phòng đối với các hợp đồng đã đến hạn nhưng khách hàng chưa thanh toán. Do chưa có hướng dẫn cụ thể của các cơ quan chức năng về phương pháp trích lập dự phòng cho các hợp đồng này nên Ngân hàng và Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thăng Long thực hiện trích lập dự phòng trên cơ sở chênh lệch giữa giá thị trường và giá trị ghi sổ của các loại chứng khoán đảm bảo cho các hợp đồng này.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Chứng khoán đầu tư

2.7.1 Chứng khoán kinh doanh

Các chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch. Các chứng khoán sau đó được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị thị trường và giá gốc.

Đối với các chứng khoán kinh doanh là các cổ phiếu chưa niêm yết, dự phòng giảm giá được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Trường hợp giá thị trường không có sẵn, Ngân hàng sử dụng giá thị trường tham khảo bình quân của các cổ phiếu có từ 3 báo giá trở lên trong số 5 báo giá công khai của các công ty chứng khoán là Công ty CP Chứng khoán FPT, Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn, Công ty CP Chứng khoán Thăng Long, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Trường hợp 5 báo giá công khai của 5 công ty trên không có đủ đa số (dưới 3) để làm cơ sở cho việc xác định giá trị hợp lý của các cổ phiếu này, Ngân hàng trình bày giá trị của các cổ phiếu này theo giá mua.

Bất kỳ một khoản giảm giá hoặc tổn thất ước tính nào của những chứng khoán loại này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “*Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và kinh doanh*”.

2.7.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Các chứng khoán này sẽ không được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn hoặc chuyển sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán. Các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá tại thời điểm mua, phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (đối với chứng khoán Nợ trả lãi sau) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán Nợ trả lãi trước), được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại của chứng khoán. Lãi dự thu được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian nắm giữ còn lại của chứng khoán.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “*Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và kinh doanh*”.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)

2.7.3 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán luôn được hạch toán theo giá mua. Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được hạch toán theo mệnh giá tại thời điểm mua, phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (đối với chứng khoán Nợ trả lãi sau) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán Nợ trả lãi trước), được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại của chứng khoán. Lãi dự thu được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian nắm giữ ước tính còn lại của chứng khoán.

Chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Đối với các khoản đầu tư, là các cổ phiếu chưa niêm yết, dự phòng giảm giá được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Trường hợp giá thị trường không có sẵn, Ngân hàng sử dụng giá thị trường tham khảo bình quân của các cổ phiếu có từ 3 báo giá trở lên trong số 5 báo giá công khai của các công ty chứng khoán là Công ty CP Chứng khoán FPT, Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn, Công ty CP Chứng khoán Thăng Long, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Trường hợp 5 báo giá công khai của 5 công ty trên không có đủ đa số (dưới 3) để làm cơ sở cho việc xác định giá trị hợp lý của các cổ phiếu này, Ngân hàng trình bày giá trị của các cổ phiếu này theo giá mua.

Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ chứng khoán đầu tư và kinh doanh”.

2.8 Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận dựa trên phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một công ty mà Ngân hàng có ảnh hưởng đáng kể và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Ngân hàng.

Theo phương pháp này, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và giá trị hiện tại của khoản đầu tư có thể tăng hoặc giảm phản ánh phần chia sẻ của Ngân hàng trong khoản lãi hoặc lỗ của công ty liên kết. Các khoản lỗ vượt quá giá gốc của một khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Ngân hàng có nghĩa vụ với khoản lỗ này. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần chia sẻ của Ngân hàng trong kết quả hoạt động của công ty liên kết. Các khoản lãi/lỗ phát sinh từ các giao dịch giữa Ngân hàng và công ty liên kết được loại trừ tùy thuộc vào mức độ góp vốn vào công ty liên kết đó của Ngân hàng.

Các công ty liên kết có cùng niên độ lập báo cáo tài chính và các chính sách kế toán áp dụng thống nhất với các chính sách của Ngân hàng đối với các giao dịch hoặc các sự kiện có tính chất giống nhau trong các điều kiện tương đương.

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Ngân hàng được trình bày tại Thuyết minh số 10.1.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Đầu tư dài hạn khác

Góp vốn, đầu tư dài hạn thể hiện các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn với số lượng đầu tư dưới 20% quyền biểu quyết và các chứng khoán này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và thời hạn thu hồi hoặc thanh vốn trên một năm theo quy định của Quyết định số 29/2006/QĐ-NHNN do NHNN ban hành ngày 10 tháng 7 năm 2006 và Công văn số 7459/NHNN-KTTC do NHNN ban hành ngày 30 tháng 8 năm 2006. Góp vốn, đầu tư dài hạn được thể hiện theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư.

Đối với vốn góp vào các quỹ đầu tư, dự phòng giảm giá được lập nếu giá trị tài sản thuần của quỹ tính theo tỷ lệ góp vốn của Ngân hàng nhỏ hơn giá gốc của vốn góp.

Đối với các khoản đầu tư dài hạn khác, là các cổ phiếu chưa niêm yết, dự phòng giảm giá được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Trường hợp giá thị trường không có sẵn, Ngân hàng sử dụng giá thị trường tham khảo bình quân của các cổ phiếu có từ 3 báo giá trở lên trong số 5 báo giá công khai của các công ty chứng khoán là Công ty CP Chứng khoán FPT, Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn, Công ty CP Chứng khoán Thăng Long, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Đối với các khoản đầu tư dài hạn khác là các cổ phiếu chưa niêm yết, mặc dù các cổ phiếu này có từ 3 báo giá trở lên trong số 5 báo giá công khai của các công ty chứng khoán nêu trên, tuy nhiên Ngân hàng với quan điểm nắm giữ trong dài hạn và các đơn vị được đầu tư này kinh doanh không bị lỗ, Ngân hàng có thể xem xét và trích lập dự phòng theo các phương pháp định giá khác nhau được chấp nhận, bao gồm phương pháp xác định giá trị khoản đầu tư theo hệ số thị giá trên thu nhập và theo phân tích tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận, vốn chủ sở hữu và thu nhập trên mỗi cổ phiếu của đơn vị được đầu tư.

Trường hợp 5 báo giá công khai của 5 công ty trên không có đủ đa số (dưới 3) để làm cơ sở cho việc xác định giá trị hợp lý của các cổ phiếu này, Ngân hàng trình bày giá trị của các cổ phiếu này theo giá mua.

Bất kỳ một khoản giảm giá hoặc tổn thất ước tính nào của những khoản đầu tư này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác của Ngân hàng được trình bày tại Thuyết minh số 10.2.

2.10 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại (“REPO”) vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại (“Reverse REPO”) vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Tài sản cố định

Giá trị tài sản cố định được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định là toàn bộ các chi phí trực tiếp đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí liên quan đến bổ sung, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào nguyên giá tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được tất toán và bất kỳ các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.12 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy tính	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 năm
Thiết bị văn phòng	4 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	theo thời hạn sử dụng
Phần mềm máy tính	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác (**)	

(*): Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không được trích khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

(**): Các tài sản vô hình gắn liền với khách sạn quốc tế ASEAN, Ngân hàng hiện chưa nhận được các hướng dẫn của các cơ quan nhà nước về phương pháp hạch toán kế toán đối với giá trị của các hạng mục tài sản này, cũng như đối với phương pháp trích hao mòn phù hợp vì thế Ngân hàng chưa tính khấu hao trong năm 2008 (xem Thuyết minh số 12).

2.13 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là các bất động sản Ngân hàng đầu tư với mục đích cho thuê hoặc thu lợi từ việc tăng giá tài sản. Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua, bao gồm cả chi phí giao dịch và sau đó được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Chi phí khấu hao được hạch toán vào khoản mục chi phí hoạt động khác.

Khấu hao của bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của bất động sản đầu tư như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	40 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn (**)	theo thời hạn sử dụng

(*): Chi tiết bất động sản đầu tư là nhà cửa, vật kiến trúc được trình bày tại Thuyết minh số 13.

(**): Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không được trích khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.14 Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở dự thu, dự chi.

Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập.

2.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 tại Thuyết minh số 38). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang Việt Nam đồng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

2.17 Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, vàng, đá quý, tiền gửi thanh toán với Ngân hàng Nhà nước, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi, cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc nhỏ hơn 3 tháng.

2.18 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

2.19 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 6 hoặc Điều 7. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn*, *Nợ cần chú ý*, *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.19 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng (tiếp theo)

Dự phòng cụ thể và dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng tại Thuyết minh số 2.6. Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng” của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và số dư tài khoản dự phòng cho các cam kết ngoại bảng được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng đã thực hiện trích lập dự phòng chung theo tỷ lệ 0,75% tổng giá trị các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang được phân loại nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4 (xem Thuyết minh số 20).

Chi tiết dự phòng cụ thể và dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng được trình bày tại Thuyết minh số 20.

2.20 Công cụ phái sinh

Các công cụ phái sinh được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị hợp đồng vào ngày giao dịch và sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch dương của giá trị hợp lý của các công cụ phái sinh được ghi nhận là một khoản mục tài sản và chênh lệch âm được ghi nhận là một khoản công nợ. Lãi hoặc lỗ thực hiện hoặc lãi/lỗ do đánh giá lại theo giá trị hợp lý của các công cụ phái sinh được hạch toán vào khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối”.

2.21 Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

2.22 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả của các số liệu có liên quan.

2.23 Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 15% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.23 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

Trợ cấp mất việc: theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

Mặc dù nghĩa vụ quy định trong Điều 17 và 42 là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 7 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 64, hàng năm ngân hàng phải trích Quỹ trợ cấp mất việc làm với mức từ 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, số dư của quỹ trợ cấp thôi việc đã được trích lập trước đây bằng 5% của lợi nhuận sau thuế theo Thông tư 64 nên được chuyển sang quỹ trợ cấp mất việc cho nhân viên theo Thông tư 82.

Trong năm 2008, Ngân hàng đã thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm tương đương với 3% tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội.

3. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Tiền mặt bằng VNĐ	332.609	281.504
Tiền mặt bằng ngoại tệ	79.024	70.817
	411.633	352.321

4. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Tiền gửi thanh toán tại NHNN bằng VND	440.638	110.544
Tiền gửi thanh toán tại NHNN bằng ngoại tệ	74.501	80.774
	515.139	191.318

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNN. Tiền gửi dự trữ bắt buộc được tính vào ngày đầu tháng và điều chỉnh mỗi tháng một lần căn cứ vào số dư tiền gửi bình quân của khách hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn của tháng trước với tỷ lệ dự trữ bắt buộc phải duy trì áp dụng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 5% cho tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng đối với Việt Nam Đồng, 7% cho tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng đối với USD, 1% cho tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên đối với Việt Nam đồng và 3% cho tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên đối với USD. Theo đó, mức dự trữ bắt buộc (bằng VNĐ và ngoại tệ) trung bình trong tháng 12 năm 2008 là 1.164.575 triệu đồng.

Trong năm, Ngân hàng thực hiện tuân thủ theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN, VÀNG GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	993.671	967.304
Tiền gửi có kỳ hạn	15.016.560	13.046.760
	16.010.231	14.014.064

Mức lãi suất vào cuối năm của các khoản tiền gửi tại các TCTD khác như sau:

	Năm 2008 lãi suất/ năm	Năm 2007 lãi suất/ năm
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước bằng VNĐ	6,20% - 21,00%	7,00% - 11,40%
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	3,00% - 5,80%	4,00% - 5,50%

6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 bao gồm:

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Chứng khoán Nợ		
Đã niêm yết	-	-
Chưa niêm yết (*)	64.632	5.748
Chứng khoán Vốn		
Đã niêm yết	129.651	82.643
Chưa niêm yết	14.595	208.667
	208.878	297.058
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (xem Thuyết minh số 11.1)	(58.703)	(6.511)
	150.175	290.547

(*) bao gồm các trái phiếu chuyển đổi của các tổ chức tín dụng phát hành với kỳ hạn từ 2 đến 4 năm, lãi suất 8,00%/năm.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng		
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	14.692.669	9.938.533
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	286.740	436.103
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	15.504	6.693
	14.994.913	10.381.329
Các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long	745.513	1.231.246
	15.740.426	11.612.575

	Năm 2008 lãi suất/ năm	Năm 2007 lãi suất/ năm
Cho vay thương mại bằng VNĐ	10,50% - 21,00%	10,50% - 13,20%
Cho vay thương mại bằng ngoại tệ	7,00% - 12,50%	7,00% - 7,50%

7.1. Phân tích chất lượng nợ cho vay

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng		
Nợ đủ tiêu chuẩn	13.651.589	9.948.255
Nợ cần chú ý	1.055.266	315.476
Nợ dưới tiêu chuẩn	199.341	42.783
Nợ nghi ngờ	44.899	16.430
Nợ có khả năng mất vốn	43.818	58.385
	14.994.913	10.381.329
Các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long	745.513	1.231.246
	15.740.426	11.612.575

7.2. Phân tích dư nợ theo thời gian gốc của khoản vay

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng		
Nợ ngắn hạn	9.186.357	6.792.810
Nợ trung hạn	4.143.854	2.611.504
Nợ dài hạn	1.664.702	977.015
	14.994.913	10.381.329
Nợ ngắn hạn các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long	745.513	1.231.246
	15.740.426	11.612.575

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

7.3. Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

Phân tích dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng		
Cho vay các TCKT	12.853.540	7.979.970
Doanh nghiệp nhà nước trung ương	2.879.268	1.508.991
Doanh nghiệp nhà nước địa phương	185.642	109.795
Công ty TNHH nhà nước	1.065.204	1.493.144
Công ty TNHH tư nhân	2.222.821	1.142.375
Công ty cổ phần nhà nước	704.328	345.697
Công ty cổ phần khác	5.608.121	3.295.009
Doanh nghiệp tư nhân	178.772	38.070
Khác	9.384	46.889
Cho vay cá nhân	<u>2.141.373</u>	<u>2.401.359</u>
	14.994.913	10.381.329
Các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long	<u>745.513</u>	<u>1.231.246</u>
	<u>15.740.426</u>	<u>11.612.575</u>

7.4. Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

Phân tích dư nợ cho vay theo các ngành kinh tế tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng		
Nông nghiệp và lâm nghiệp	1.078.106	465.158
Công nghiệp khai thác mỏ	412.842	57.455
Công nghiệp chế biến	3.186.249	1.547.419
SX và PP điện khí đốt và nước	145.523	156.906
Xây dựng	1.007.327	1.012.029
Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng cá nhân và gia đình	5.975.174	5.758.165
Khách sạn và nhà hàng	216.357	99.110
Vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc	1.494.151	521.762
Các hoạt động liên quan KD tài sản và dịch vụ tư vấn	1.016.644	589.410
Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng	293.035	18.403
Ngành khác	<u>169.505</u>	<u>155.512</u>
	14.994.913	10.381.329
Các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long	<u>745.513</u>	<u>1.231.246</u>
	<u>15.740.426</u>	<u>11.612.575</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm của năm 2008 bao gồm các khoản sau:

	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	107.041	36.735	143.776
Số tiền đã trích trong năm	88.712	68.943	157.655
Số dư tại ngày 30 tháng 11 năm 2008	195.753	105.678	301.431
Số tiền dự phòng trích trong tháng 12 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long	833	-	833
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR trong tháng 12 năm 2008	(55.347)	-	(55.347)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	141.239	105.678	246.917

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm của năm 2007 bao gồm các khoản sau:

	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	150.978	12.038	163.016
Số tiền đã trích trong năm	16.148	24.697	40.845
Số dư tại ngày 30 tháng 11 năm 2007	167.126	36.735	203.861
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR trong tháng 12 năm 2007	(60.085)	-	(60.085)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	107.041	36.735	143.776

Chi tiết phân loại nợ tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2008 và dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng theo Điều 7 của Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN như sau:

Phân loại	Dư nợ cho vay (*) triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung (**) triệu đồng	Tổng số dự phòng triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	12.495.456	-	93.717	93.717
Nợ cần chú ý	1.326.181	46.175	9.946	56.121
Nợ dưới chuẩn	221.732	31.403	1.663	33.066
Nợ nghi ngờ	46.957	8.155	352	8.507
Nợ có khả năng mất vốn	112.138	110.020	-	110.020
	14.202.464	195.753	105.678	301.431

(*): Số dư vào ngày 30 tháng 11 năm 2008 của riêng Ngân hàng.

(**): Tỷ lệ trích dự phòng chung là 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

9.1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chi tiết các khoản chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 như sau:

		2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Chứng khoán nợ			
Chứng khoán nợ do Chính phủ phát hành	(i)	5.374.857	120.000
Chứng khoán nợ do các TCTD khác phát hành		100.000	180.201
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	(ii)	285.675	52.715
Trái phiếu khác		-	20.185
Chứng khoán vốn			
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành		56.036	-
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành		237.250	-
		6.053.818	373.101
Dự phòng giảm giá chứng khoán vốn sẵn sàng để bán			
(xem Thuyết minh số 11.2)		(118.839)	-
		5.934.979	373.101

- (i) Chứng khoán nợ do Chính phủ phát hành bao gồm trái phiếu chính phủ có kỳ hạn từ 1 đến 5 năm bằng VNĐ và có lãi suất từ 6,80% đến 17,50%/năm (năm 2007: từ 7,50% đến 7,75%/năm), lãi trả hàng năm hoặc trả một lần khi đáo hạn;
- (ii) Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành bao gồm trái phiếu có kỳ hạn từ 3 đến 5 năm có lãi suất từ 8,60% đến 9,60%/năm (năm 2007: từ 8,00% đến 9,60%/năm), lãi trả hàng năm.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

9.2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

		2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn			
Trái phiếu Chính phủ	(i)	1.020.776	829.118
Công trái Giáo dục	(ii)	16.205	16.836
Chứng khoán nợ do các TCTD khác phát hành	(iii)	430.000	327.435
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	(iv)	1.071.000	124.236
Trái phiếu Xây dựng Thủ đô	(v)	5.000	5.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		-	-
		2.542.981	1.302.625

- (i) Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 2 đến 10 năm bằng VNĐ và có lãi suất từ 7,95% đến 11,90%/năm (năm 2007: từ 7,50% đến 7,75%/năm), lãi trả hàng năm hoặc trả một lần khi đáo hạn;
- (ii) Công trái Giáo dục có thời hạn 5 năm và có lãi suất 8,00%/năm đến 8,20%/năm, lãi được trả một lần khi đáo hạn;
- (iii) Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành bằng VNĐ, có kỳ hạn từ 2 đến 5 năm với lãi suất từ 8,60% đến 12,75%/năm (năm 2007: từ 8,60% đến 9,36%/năm), lãi trả hàng năm;
- (iv) Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành bao gồm các trái phiếu chuyển đổi có kỳ hạn 3 năm với lãi suất 8%/năm, lãi trả hàng năm và các trái phiếu có kỳ hạn từ 1 đến 10 năm bằng VNĐ với lãi suất từ 8,60%/năm đến 10,30%/năm (2007: 9,00% đến 10,15%/năm), lãi trả hàng năm;
- (v) Trái phiếu Xây dựng Thủ đô do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội phát hành có thời hạn 5 năm với lãi suất 9,10%/năm (2007: 9,10%/năm), lãi trả hàng năm.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Đầu tư vào công ty liên kết	68.783	4.125
Đầu tư dài hạn khác	1.362.321	806.990
	1.431.104	811.115
Dự phòng giảm giá (xem Thuyết minh số 11.3)	(250.677)	-
	1.180.427	811.115

10.1. Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	Tỷ lệ sở hữu (%)	2008 Giá gốc triệu đồng	Giá trị ròng theo phương pháp vốn chủ sở hữu triệu đồng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Du lịch Lạng Sơn	33,30%	3.000	1.652
Công ty Cổ phần Long Thuận Lộc	29,37%	67.131	67.131
		70.131	68.783

10.2. Đầu tư dài hạn khác

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	2008 triệu đồng
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế	666.976
Đầu tư vào các tổ chức tài chính	381.741
Đầu tư vào các quỹ đầu tư	303.638
Đầu tư vào các dự án dài hạn	9.966
	1.362.321

11. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN

Tình hình dự phòng giảm giá của các loại chứng khoán vào cuối năm như sau:

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 11.1)	58.703	6.511
Chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh 11.2)	118.839	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn (Thuyết minh 11.3)	250.677	-
	428.219	6.511

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN (tiếp theo)

11.1. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

	2008 triệu đồng
Chứng khoán kinh doanh	
Chứng khoán niêm yết (i)	49.788
Chứng khoán chưa niêm yết (ii)	<u>8.915</u>
	<u>58.703</u>

(i) Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết đã được trích lập đầy đủ theo qui định tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

(ii) Dự phòng giảm giá các cổ phiếu chưa niêm yết trên được thể hiện theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán (xem Thuyết minh số 2.7.1 về chính sách kế toán dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh).

11.2. Dự phòng giảm giá chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán

	2008 triệu đồng
Chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán	
Cổ phiếu niêm yết do các TCTD và các TCKT trong nước phát hành (i)	91.513
Cổ phiếu chưa niêm yết do các TCTD và TCKT trong nước phát hành (ii)	<u>27.326</u>
	<u>118.839</u>

(i) Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết đã được trích lập đầy đủ theo qui định tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, các cổ phiếu chưa niêm yết trên được thể hiện theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán (xem Thuyết minh số 2.7.3 về chính sách kế toán dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán).

11.3. Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn

	2008 triệu đồng
Góp vốn, đầu tư dài hạn	
Vốn góp vào các quỹ đầu tư	82.005
Cổ phiếu chưa niêm yết do các TCTC và TCKT trong nước phát hành	<u>168.672</u>
	<u>250.677</u>

Chính sách dự phòng các khoản góp vốn vào các quỹ đầu tư và cổ phiếu chưa niêm yết được trình bày tại Thuyết minh số 2.9.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

12.1. Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Máy móc thiết bị triệu đồng	Phương tiện vận tải triệu đồng	TSCĐ khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá:					
Số dư đầu kỳ	74.604	113.047	35.963	7.298	230.912
Tăng trong kỳ	30.396	97.168	44.676	13.591	185.831
Giảm trong kỳ	(33.661)	(9.191)	(564)	(4.662)	(48.078)
Số dư cuối kỳ	71.339	201.024	80.075	16.227	368.665
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu kỳ	12.022	44.734	13.034	3.943	73.733
Tăng trong kỳ	3.583	42.704	9.361	2.480	58.128
Giảm trong kỳ	(8.684)	(7.190)	(598)	(3.342)	(19.814)
Số dư cuối kỳ	6.921	80.248	21.797	3.081	112.047
Giá trị còn lại của TSCĐ:					
Số dư đầu kỳ	62.582	68.313	22.929	3.355	157.179
Số dư cuối kỳ	64.418	120.776	58.278	13.146	256.618

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

12.2. Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	Quyền sử dụng đất có thời hạn triệu đồng	Phần mềm máy vi tính triệu đồng	Tài sản cố định vô hình khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá:				
Số dư đầu kỳ	67.147	19.053	-	86.200
Tăng trong kỳ	-	58.705	277.311	336.016
Giảm trong kỳ	<u>(31.683)</u>	<u>(881)</u>	<u>-</u>	<u>(32.564)</u>
Số dư cuối kỳ	<u>35.464</u>	<u>76.877</u>	<u>277.311</u>	<u>389.652</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu kỳ	2.356	6.578	-	8.934
Tăng trong kỳ	390	7.729	-	8.119
Giảm trong kỳ	<u>-</u>	<u>(177)</u>	<u>-</u>	<u>(177)</u>
Số dư cuối kỳ	<u>2.746</u>	<u>14.130</u>	<u>-</u>	<u>16.876</u>
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu kỳ	<u>64.791</u>	<u>12.475</u>	<u>-</u>	<u>77.266</u>
Số dư cuối kỳ	<u>32.718</u>	<u>62.747</u>	<u>277.311</u>	<u>372.776</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Tình hình về bất động sản đầu tư kỳ này

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*) triệu đồng	Quyền sử dụng đất triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	115.267	-	115.267
Tăng trong năm	-	513.870	513.870
Giảm trong năm	<u>(113.066)</u>	<u>-</u>	<u>(113.066)</u>
Số dư cuối năm	<u>2.201</u>	<u>513.870</u>	<u>516.071</u>
Giá trị hao mòn:			
Số dư đầu năm	429	-	429
Tăng trong kỳ	365	-	365
Giảm trong năm	<u>(629)</u>	<u>-</u>	<u>(629)</u>
Số dư cuối năm	<u>165</u>	<u>-</u>	<u>165</u>
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	<u>114.838</u>	<u>-</u>	<u>114.838</u>
Số dư cuối năm	<u>2.036</u>	<u>513.870</u>	<u>515.906</u>

(*): Chính sách kế toán về trích khấu hao bất động sản đầu tư là nhà cửa, vật kiến trúc được trình bày tại thuyết minh số 2.13 .

14. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	2008 triệu đồng
Các khoản phải thu nội bộ	46.782
Các khoản phải thu bên ngoài	<u>102.893</u>
	<u>149.675</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. TIỀN GỬI VÀ VAY CỦA CÁC TCTD KHÁC

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	26.663	9.011
<i>Bằng VNĐ</i>	21.829	816
<i>Bằng vàng và ngoại tệ</i>	4.834	8.195
Tiền gửi có kỳ hạn	8.505.203	4.578.024
<i>Bằng VNĐ</i>	7.675.983	3.688.745
<i>Bằng vàng và ngoại tệ</i>	829.220	889.279
Vay các tổ chức tín dụng khác	-	405.899
<i>Bằng VNĐ</i>	-	331.775
<i>Bằng vàng và ngoại tệ</i>	-	74.124
	<u>8.531.866</u>	<u>4.992.934</u>

Mức lãi suất tiền gửi cuối năm như sau:

	Năm 2008 lãi suất/năm	Năm 2007 lãi suất/năm
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng VNĐ	4,50% - 18,50%	7,00% - 9,00%
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	1,20% - 5,50%	3,50% - 5,50%

16. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

16.1. Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
<i>Tiền, vàng gửi không kỳ hạn</i>	8.986.691	7.467.631
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	7.189.239	5.400.078
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	1.785.257	75.698
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	-	1.979.942
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	12.195	11.913
<i>Tiền, vàng gửi có kỳ hạn</i>	16.266.101	9.640.276
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	4.833.752	2.159.531
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	1.825.232	5.778.550
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	7.567.510	441.752
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.039.607	1.260.443
<i>Tiền gửi vốn chuyên dùng</i>	28.613	15.893
<i>Tiền ký quỹ</i>	1.881.476	661.037
Tiền gửi ký quỹ bằng VNĐ	241.146	661.037
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	1.640.330	-
	<u>27.162.881</u>	<u>17.784.837</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

16.2. *Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp*

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Tiền gửi của TCKT	17.112.360	10.283.448
Tiền gửi của cá nhân	<u>10.050.521</u>	<u>7.501.389</u>
	<u>27.162.881</u>	<u>17.784.837</u>

	Năm 2008 lãi suất/năm	Năm 2007 lãi suất/năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	2,40% - 3,60%	2,40%
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	2,40% - 3,60%	2,40%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1,00% - 1,50%	1,25%
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1,00% - 1,50%	1,25%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	8,00% - 18,00%	7,08% - 9,72%
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	8,00% - 18,00%	7,08% - 9,72%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	3,02% - 7,10%	3,40% - 5,50%
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	3,02% - 7,10%	3,40% - 5,20%

Đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, trong trường hợp khách hàng rút trước hạn, lãi suất nhận được sẽ áp dụng theo chính sách của Ngân hàng theo từng thời kỳ.

17. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam	-	48.342
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	28.163	27.494
Phải trả người ủy thác đầu tư	<u>806.198</u>	<u>214.290</u>
	<u>834.361</u>	<u>290.126</u>

Nguồn vốn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam thể hiện khoản vốn của Ngân hàng Thế giới (thông qua Hiệp hội Phát triển Quốc tế) hỗ trợ cho Dự án Tài chính Nông thôn II theo Hiệp định Tín dụng ngày 9 tháng 09 năm 2002 giữa Ngân hàng Thế giới và Bộ Tài chính, theo đó Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") là đơn vị thực hiện. Ngân hàng ký hợp đồng phụ với BIDV vào ngày 10 tháng 05 năm 2004 và sửa đổi hợp đồng phụ vào ngày 16 tháng 07 năm 2005. Tổng hạn mức tín dụng của BIDV là 50 tỷ đồng Việt Nam được điều chỉnh hàng năm và phải trả theo lịch thanh toán cụ thể phụ thuộc vào kỳ hạn của từng khoản vay hay từng nhóm các khoản vay trong từng hợp đồng cụ thể. Ngân hàng trả lãi suất LIBOR 6 tháng cộng một khoản chênh lệch. Lãi suất này sẽ được điều chỉnh 6 tháng một lần.

Khoản phải trả người ủy thác đầu tư thể hiện các phần vốn ủy thác và phần lãi dự trả từ các hợp đồng ủy thác của các ngân hàng khác được giữ tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội. Theo các hợp đồng ủy thác đầu tư này, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội được hưởng phí quản lý từ 0,10%/năm đến 0,70%/năm trên số vốn ủy thác theo thời gian đầu tư thực tế.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2006	-	220.000
Trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2007	1.000.000	1.000.000
Giấy tờ có giá khác	7.326	-
Trái phiếu do Công ty CP CK Thăng Long phát hành	<u>1.130.000</u>	<u>800.000</u>
	<u>2.137.326</u>	<u>2.020.000</u>

Chi tiết trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng phát hành năm 2007 như sau:

Ngày phát hành	Loại tiền	Kỳ hạn	Lãi suất	Tỷ lệ chuyển đổi	31/12/2008 triệu đồng
20 tháng 06	VNĐ	2 năm	8,00%/năm	1 trái phiếu: 100 cổ phiếu	420.000
10 tháng 11	VNĐ	2 năm	8,00%/năm	1 trái phiếu: 100 cổ phiếu	<u>580.000</u>
					<u>1.000.000</u>

Chi tiết trái phiếu do Công ty Cổ phần chứng khoán Thăng Long phát hành như sau:

Ngày phát hành	Loại tiền	Kỳ hạn	Lãi suất	31/12/2008 triệu đồng
24 tháng 09 năm 2007	VNĐ	2 năm	9,00%/năm	200.000
22 tháng 10 năm 2007	VNĐ	2 năm	9,00%/năm	100.000
26 tháng 02 năm 2008	VNĐ	1 năm	10,90%/năm	200.000
02 tháng 06 năm 2008	VNĐ	2 năm	16,50%/năm	200.000
05 tháng 12 năm 2008	VNĐ	1 năm	10,00%/năm	360.000
29 tháng 12 năm 2008	VNĐ	1 năm	9,75%/năm	<u>70.000</u>
				<u>1.130.000</u>

19. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	2008 triệu đồng
Các khoản phải trả nội bộ	46.304
Các khoản phải trả bên ngoài	<u>355.461</u>
	<u>401.765</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DỰ PHÒNG CHO CÁC CAM KẾT NGOẠI BẢNG

Thay đổi dự phòng cho các cam kết ngoại bảng trong năm 2008 như sau:

	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung (*) triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008	-	53.565	53.565
Chi phí trích lập trong năm	-	63.275	63.275
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	116.840	116.840

(*): Tỷ lệ trích dự phòng chung là 0,75% tổng giá trị các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Thay đổi dự phòng cho các cam kết ngoại bảng trong năm 2007 như sau:

	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2007	-	9.849	9.849
Trích lập thêm trong năm	-	43.716	43.716
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2007	-	53.565	53.565

Chi tiết phân loại nợ tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2008 và dự phòng rủi ro các cam kết ngoại bảng tương ứng theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN như sau:

Phân loại	Số dư ngoại bảng (*) triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung (**) triệu đồng	Tổng số dự phòng triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	15.578.667	-	116.840	116.840
Nợ cần chú ý	-	-	-	-
Nợ dưới chuẩn	-	-	-	-
Nợ nghi ngờ	-	-	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	-	-	-	-
	15.578.667	-	116.840	116.840

(*): Số dư vào ngày 30 tháng 11 năm 2008.

(**): Tỷ lệ trích dự phòng chung là 0,75% của dư nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ PHẢI TRẢ

	Số dư đầu kỳ triệu đồng	Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ triệu đồng
		Số phải nộp triệu đồng	Số đã nộp triệu đồng	
Thuế GTGT	(203)	17.890	18.363	(676)
Thuế TNDN	82.306	165.003	175.554	71.755
Thuế TNDN nộp thêm theo biên bản quyết toán thuế	-	1.133	1.133	-
Tiền thuế đất	-	900	900	-
Các loại thuế khác	6.983	21.402	18.490	9.895
Các khoản phải nộp khác và các khoản phí, lệ phí	-	177	162	15
	89.086	206.505	214.602	80.989

Các báo cáo thuế của ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ PHẢI TRẢ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 28% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế hợp nhất	860.883	608.986
Trong đó:		
(*) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế của riêng Ngân hàng	770.708	451.136
Thu nhập không chịu thuế (bao gồm cổ tức và công trái giáo dục miễn thuế TNDN)	(194.305)	(122.604)
Thu nhập từ các khoản đầu tư ủy thác chịu mức thuế suất 20%	(6.904)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN của riêng Ngân hàng	569.499	328.532
Chi phí thuế TNDN của riêng Ngân hàng theo thuế suất 28%	159.460	91.989
Chi phí thuế từ các khoản đầu tư ủy thác theo mức thuế suất 20%	1.376	-
Chi phí thuế TNDN trong năm hiện hành của riêng Ngân hàng (i)	160.836	91.989
(*) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế của các công ty con trên báo cáo tài chính hợp nhất	90.175	157.850
Chi phí thuế TNDN trong năm hiện hành của các công ty con (ii)	3.842	24.389
Chi phí thuế TNDN trong năm hiện hành của toàn hệ thống (i) + (ii)	164.678	116.378
Thuế phải nộp bổ sung theo Biên bản Quyết toán thuế	1.133	-
Các khoản còn phải nộp khác	325	-
Thuế TNDN phải trả phát sinh trong kỳ	166.136	116.378
Thuế TNDN phải trả đầu năm	82.306	15.735
Thuế TNDN đã trả trong năm	(176.687)	(49.807)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	71.755	82.306

Thuế thu nhập hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận trong năm do không có khoản mục chênh lệch tạm thời nào giữa giá trị ghi sổ và giá trị cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ trên các báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN VÀ QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

22.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn của Ngân hàng trong năm 2008 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Chi tiêu	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu khác	Lợi ích cổ đông thiếu số	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	2.000.000	306.421	67.951	39.161	18.731	537.732	509.525	70.345	3.549.866
Tăng trong kỳ	1.400.000	(276.221)	42.536	20.342	106.323	160.700	-	177.837	1.631.517
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	703.368	-	(7.163)	696.205
Tăng vốn từ lợi nhuận để lại	373.579	-	-	-	-	(373.579)	-	-	-
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược	500.000	-	-	-	-	-	-	-	500.000
Tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần	306.421	(306.421)	-	-	-	-	-	-	-
Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2006 thành cổ phiếu	220.000	-	-	-	-	-	-	-	220.000
Trích bổ sung các quỹ cho năm 2007	-	-	42.466	20.342	78.094	(140.902)	-	-	-
Tạm trích các quỹ năm 2008	-	-	-	-	28.187	(28.187)	-	-	-
Tăng thặng dư do bán cổ phiếu	-	30.200	-	-	-	-	-	-	30.200
Phát hành cổ phiếu cho các cổ đông thiếu số	-	-	-	-	-	-	-	185.000	185.000
Các khoản tăng khác	-	-	70	-	42	-	-	-	112
Giảm trong kỳ	-	-	(1.922)	(1.294)	(96.255)	(409.666)	-	4.407	(504.730)
Sử dụng trong kỳ	-	-	(155)	-	(93.984)	-	-	-	(94.139)
Tạm ứng cổ tức năm 2008	-	-	-	-	-	(400.014)	-	-	(400.014)
Trả cổ tức các năm trước	-	-	-	-	-	(7.302)	-	-	(7.302)
Các khoản thuế phải nộp thêm theo Biên bản Quyết toán Thuế	-	-	-	-	-	(2.350)	-	-	(2.350)
Tăng quỹ cho cổ đông thiếu số	-	-	(1.767)	(1.294)	(2.271)	-	-	5.332	-
Các khoản khác	-	-	-	-	-	-	-	(925)	(925)
Số dư cuối kỳ	3.400.000	30.200	108.565	58.209	28.799	288.766	509.525	252.589	4.676.653

Đơn vị tính: triệu đồng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN VÀ QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG (tiếp theo)
22.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Tình hình thay đổi vốn của Ngân hàng trong năm 2007 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Chỉ tiêu	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu khác	Đơn vị tính: triệu đồng	
								Lợi ích cổ đông thiểu số	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	1.045.200	57.596	44.914	25.546	11.802	195.854	-	-	1.380.912
Tăng trong kỳ	954.800	248.825	24.207	14.685	8.109	397.014	509.525	66.925	2.224.090
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	491.683	-	925	492.608
Góp vốn	954.800	248.825	-	-	-	-	509.525	-	1.713.150
Trích bổ sung các quỹ	-	-	24.199	14.685	56.000	(94.884)	-	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	(92)	-	(48.157)	-	-	-	(48.249)
Phát hành cổ phiếu cho các cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	66.000	66.000
Các khoản khác	-	-	100	-	266	215	-	-	581
Giảm trong kỳ	-	-	(1.170)	(1.070)	(1.180)	(55.136)	-	3.420	(55.136)
Phân chia cổ tức	-	-	-	-	-	(55.136)	-	-	(55.136)
Tăng quỹ cho cổ đông thiểu số	-	-	(1.170)	(1.070)	(1.180)	-	-	3.420	-
Số dư cuối kỳ	2.000.000	306.421	67.951	39.161	18.731	537.732	509.525	70.345	3.549.866

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN VÀ QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG (tiếp theo)

22.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Chi tiết phần vốn đầu tư của TCTD như sau:

	2008			2007		
	Tổng số	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi	Tổng số	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi
Vốn góp của cổ đông	3.400.000	3.400.000	-	2.000.000	2.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	30.200	30.200	-	306.421	306.421	-
	<u>3.430.200</u>	<u>3.430.200</u>	<u>-</u>	<u>2.306.421</u>	<u>2.306.421</u>	<u>-</u>

Đơn vị: triệu đồng

22.2. Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Trong năm 2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2005 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2005. Theo Nghị định 146, các ngân hàng thương mại phải trích lập các quỹ dự trữ theo tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế còn lại	25% vốn điều lệ

Việc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính 2008 được thực hiện vào năm tiếp theo sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Các quỹ dự trữ của các công ty con:

Các quỹ dự trữ của Công ty Chứng khoán Thăng Long - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

Theo thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, các công ty chứng khoán phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ dự trữ theo tỷ lệ như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% Vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Trích lập các quỹ dự trữ của các công ty con khác:

Các công ty con khác trích lập các quỹ dự trữ theo hướng dẫn của Ngân hàng. Các tỷ lệ trích lập thông thường phù hợp với các tỷ lệ áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2005 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN VÀ QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG (tiếp theo)

22.3. *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Ngân hàng chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Lợi nhuận sau thuế	703.368	491.683
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>221.651.541</u>	<u>117.434.740</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	<u>3.173</u>	<u>4.187</u>

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh lãi trái phiếu chuyển đổi sau thuế) chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm cộng với số lượng bình quân gia quyền của các cổ phiếu nếu các trái chủ thực hiện chuyển đổi. Chi tiết lãi suy giảm trên cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu	703.368	491.683
Lãi trái phiếu chuyển đổi sau thuế	<u>57.600</u>	<u>30.333</u>
Lợi nhuận dùng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>760.968</u>	<u>522.016</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	221.651.541	117.434.740
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu nếu các trái chủ thực hiện chuyển đổi (cổ phiếu)	<u>100.000.000</u>	<u>52.427.297</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành để tính lãi suy giảm (cổ phiếu)	<u>321.651.541</u>	<u>169.862.037</u>
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	<u>2.366</u>	<u>3.073</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CỔ TỨC

Chi tiết về chia cổ tức trong năm bao gồm:

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Trả cổ tức cho năm 2007	363.760	55.136
Tạm ứng cổ tức cho năm hiện hành	<u>400.014</u>	<u>-</u>
	<u>763.774</u>	<u>55.136</u>

Tạm ứng cổ tức năm 2008 được trả cho các cổ đông bằng tiền mặt thành 3 đợt. Chi tiết như sau:

Đợt	Cách thức tính	Số tiền triệu đồng
Đợt 1	Bằng 7% tổng giá trị cổ phiếu nắm giữ	140.000
Đợt 2	Bằng 7% tổng giá trị cổ phiếu nắm giữ	165.464
Đợt 3	Bằng 4% tổng giá trị cổ phiếu nắm giữ	<u>94.550</u>
		<u>400.014</u>

24. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Thu nhập lãi tiền gửi	970.746	516.345
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	2.311.728	960.776
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán	375.979	104.001
Thu khác từ hoạt động tín dụng	<u>20.846</u>	<u>-</u>
	<u>3.679.299</u>	<u>1.581.122</u>

25. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Trả lãi tiền gửi	1.845.833	795.292
Trả lãi tiền vay	165.931	109.891
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	241.343	42.129
Chi phí hoạt động tín dụng khác	<u>5.480</u>	<u>493</u>
	<u>2.258.587</u>	<u>947.805</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Bảo lãnh	76.191	46.073
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	58.316	33.907
Dịch vụ chứng khoán	38.748	74.874
Dịch vụ quản lý quỹ	21.050	41.020
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khách sạn	31.251	-
Doanh thu từ hoạt động mua bán, thu hồi và thẩm định	14.763	-
Doanh thu từ hoạt động quản lý dịch vụ cho thuê	7.944	-
Các dịch vụ khác	13.723	9.031
	<u>261.986</u>	<u>204.905</u>
Chi phí hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	14.511	10.447
Chi phí cho hoạt động kinh doanh khách sạn	21.549	-
Chi phí hoạt động mua bán, thu hồi và thẩm định	12.050	-
Chi phí từ hoạt động quản lý dịch vụ cho thuê	4.699	-
Các dịch vụ khác	17.969	2.743
	<u>70.778</u>	<u>13.190</u>
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	<u>191.208</u>	<u>191.715</u>

27. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	153.933	25.941
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	66.146	4.659
	<u>220.079</u>	<u>30.600</u>
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	82.968	9.111
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	35.708	365
	<u>118.676</u>	<u>9.476</u>
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	<u>101.403</u>	<u>21.124</u>

28. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán	72.901	108.897
Chi phí về mua bán chứng khoán	(69.580)	(19.345)
Dự phòng giảm giá chứng khoán	(171.031)	(6.485)
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh và đầu tư	<u>(167.710)</u>	<u>83.067</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH KHÁC

	2008 triệu đồng
Lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn	272.835
Thu từ các khoản nợ đã xử lý	8.364
Thu từ cho thuê tài sản	4.611
Thu nhập khác	3.381
	<u>289.191</u>

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	11.894	4.779
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	11.720	6.592
Chi về tài sản	31.067	13.272
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	10.585	7.123
Chi phí hoạt động khác	189.900	171.278
	<u>255.166</u>	<u>203.044</u>

31. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thuần thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	411.633	352.321
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	515.139	191.318
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	993.671	967.304
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác CKH dưới 90 ngày	13.046.717	6.402.543
	<u>14.967.160</u>	<u>7.913.486</u>

32. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN THỂ CHẤP CỦA KHÁCH HÀNG

	Giá trị tại thời điểm lập báo cáo (triệu đồng)	
	2008	2007
Bất động sản	10.347.194	7.797.037
Động sản	5.112.640	1.775.135
Chứng từ có giá	900.310	1.199.218
Tài sản khác	10.366.689	4.365.001
	<u>26.726.833</u>	<u>15.136.391</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tín cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết vào ngày 31 tháng 12 như sau:

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.074.295	1.133.742
Bảo lãnh vay vốn	630.447	-
Bảo lãnh dự thầu	299.613	370.285
Bảo lãnh thanh toán	283.582	283.177
Bảo lãnh khác	1.438.855	1.000.993
Cam kết thư tín dụng	10.124.777	10.196.649
Các cam kết cho vay chưa giải ngân	<u>2.523.628</u>	<u>850.403</u>
	<u>16.375.197</u>	<u>13.835.249</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

(a) trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:

- ▶ kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
- ▶ có vốn góp vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
- ▶ có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;

(b) Bên liên quan là công ty liên doanh mà Ngân hàng là một bên liên doanh (xem Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 8 - Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh);

(c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Quản lý của Ngân hàng hoặc công ty mẹ của nó;

(d) Bên liên quan là thành viên trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c);

(e) Bên liên quan là một Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Tổng số dư phải thu và phải trả của Ngân hàng với một số cổ đông chính (chiếm từ 5% vốn điều lệ của Ngân hàng) tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

Loại giao dịch	Phải thu triệu đồng	(Phải trả) triệu đồng
Giao dịch tiền gửi	914.557	(819.000)
Vay của Ngân hàng	431.559	-

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

35.1.

Rủi ro lãi suất

Đơn vị: triệu đồng

	Không bị định giá lại lãi suất	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 6 tháng	Từ 6 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Tài sản							
Tiền mặt vàng bạc đá quý	411.633	-	-	-	-	-	411.633
Tiền gửi tại NHNN	-	515.139	-	-	-	-	515.139
Tiền gửi tại các TCTD khác	52.000	9.730.728	5.522.333	579.420	125.750	-	16.010.231
Cho vay khách hàng (*)	1.465.951	5.804.335	4.654.704	3.442.477	372.959	-	15.740.426
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	208.878	-	-	-	-	208.878
Chứng khoán đầu tư (*)	270.761	19.850	269.556	50.064	920.442	245.000	8.596.799
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	1.431.104	-	-	-	-	-	1.431.104
Tài sản cố định	629.394	-	-	-	-	-	629.394
Bất động sản đầu tư	515.906	-	-	-	-	-	515.906
Tài sản có khác (*)	962.289	-	-	-	-	-	962.289
Tổng tài sản	5.739.038	16.278.930	10.446.593	4.071.961	1.419.151	245.000	45.021.799
Nợ phải trả							
Tiền gửi của các TCTD khác	-	5.511.572	2.616.864	-	400.000	3.430	8.531.866
Tiền gửi của khách hàng	-	17.715.425	6.582.556	890.572	1.871.141	103.187	27.162.881
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay	834.361	-	-	-	-	-	834.361
Phát hành giấy tờ có giá	1.130.000	3.316	-	4.010	-	1.000.000	2.137.326
Các khoản nợ khác(*)	886.179	-	-	-	-	-	886.179
Tổng nợ phải trả	2.850.540	23.230.313	9.199.420	894.582	2.271.141	1.106.617	39.552.613
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	2.888.498	(6.951.383)	1.247.173	3.177.379	(851.990)	245.000	5.469.186

(*): Các khoản mục này chưa bao gồm dự phòng rủi ro

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO
 TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

35.2. Rủi ro tiền tệ

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VNĐ vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	Đơn vị: triệu đồng		
	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi
Tài sản			Tổng
Tiền mặt vàng bạc đá quý	64.317	14.685	22
Tiền gửi tại NHNN	74.501	-	-
Tiền gửi tại các TCTD khác	2.436.691	77.863	24.790
Cho vay khách hàng	4.230.292	101.891	48.492
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-
Chứng khoán đầu tư	-	-	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-
Tài sản cố định	-	-	-
Bất động sản đầu tư	-	-	-
Tài sản có khác	26.372	160	707
Tổng tài sản	6.832.173	194.599	74.011
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu			
Tiền gửi của các TCTD khác	833.958	65	31
Tiền gửi của khách hàng	7.015.385	266.637	8.109
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay	-	-	-
Phát hành giấy tờ có giá	7.326	-	7.326
Các khoản nợ khác	(302.223)	(72.196)	64.428
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	7.554.446	194.506	72.568
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(1.043.414)	93	1.443
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	321.141	-	321.141
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(722.273)	93	(720.737)

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

35.3. Rủi ro thanh khoản

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn	Đến 1 tháng	Trong hạn			Tổng
			Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	
Tài sản						
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	411.633	-	-	-	411.633
Tiền gửi tại NHNN	-	515.139	-	-	-	515.139
Tiền gửi tại các TCTD khác	-	9.782.728	5.022.333	875.750	329.420	16.010.231
Cho vay khách hàng (*)	721.238	924.535	3.678.821	4.924.210	4.590.487	15.740.426
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	208.878	-	-	208.878
Chứng khoán đầu tư (*)	-	19.850	269.556	970.506	7.091.887	8.596.799
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	1.431.104
Tài sản cố định	-	-	-	-	629.394	629.394
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	515.906	515.906
Tài sản có khác (*)	-	856.406	-	105.883	-	962.289
Tổng tài sản	721.238	12.510.291	9.179.588	6.876.349	13.157.094	45.021.799
Nợ phải trả						
Tiền gửi của các TCTD khác	-	5.511.572	2.616.864	400.000	3.430	8.531.866
Tiền gửi của khách hàng	-	8.651.449	8.182.079	4.894.412	5.434.941	27.162.881
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay	-	834.361	-	-	-	834.361
Phát hành giấy tờ có giá	-	3.316	-	4.010	2.130.000	2.137.326
Các khoản nợ khác (*)	-	438.953	55.640	391.586	-	886.179
Tổng nợ phải trả	-	15.439.651	10.854.583	5.690.008	7.568.371	39.552.613
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	721.238	(2.929.360)	(1.674.995)	1.186.341	5.588.723	5.469.186

(*): Các khoản mục này chưa bao gồm đến dự phòng rủi ro.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

35.3. *Rủi ro thanh khoản* (tiếp theo)

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời hạn còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến lần thanh toán cuối cùng theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- ▶ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng.
- ▶ Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đáo hạn của hợp đồng. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn.
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn một năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
- ▶ Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.
- ▶ Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.

36. CAM KẾT VỐN VÀ THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Các cam kết thuê hoạt động không thể hủy ngang	447.120	93.442
<i>Trong đó:</i>		
- đến hạn trong 1 năm	84.729	4.037
- đến hạn từ 2 đến 5 năm	213.928	23.697
- đến hạn sau 5 năm	148.463	65.708

37. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM

	2008 đồng	2007 đồng
USD	16.977	16.114
EUR	24.430	24.429
GBP	24.954	31.713
CHF	16.310	14.122
JPY	191	141
SGD	12.059	10.999
CAD	14.233	16.213
AUD	11.866	13.980

Người lập



Bà Nguyễn Thu Hương
Phó phòng Kế toán

Người phê duyệt



Bà Phạm Thị Tỷ
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt



Ông Lê Văn Bé
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2009



Một số sự kiện nổi bật

Thành công trong hoạt động kinh doanh, MB không quên sẻ chia tấm lòng, mở rộng vòng tay nhân ái với cộng đồng, các gia đình chính sách ... bằng những hoạt động xã hội - từ thiện sôi nổi, giàu ý nghĩa và đạt hiệu quả cao. Với bề dày thành tích trong cả hoạt động kinh doanh lẫn hoạt động xã hội, MB luôn được NHNN đánh giá cao và xếp loại A

► MỘT SỐ SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2008



Ký kết, mở rộng hợp tác

Ký kết thoả thuận hợp tác phát triển và hợp đồng hạn mức quy mô 2.000 tỷ đồng với Tập đoàn Công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam.

Ký kết thoả thuận hợp tác phát triển với Tập đoàn Mai Linh, Công ty cổ phần đầu tư và xuất nhập khẩu cà phê Tây nguyên VINACFBMT, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa VINASMES, Liên hiệp Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Tổng hợp Đồng Nai (Dona Co-op) và Công ty CP An Phú Long.

Tài trợ hơn 13 triệu Euro cho dự án đóng tàu xuất khẩu 3.300 tấn của công ty Hồng Hà.

Tổ chức nhân sự đào tạo

Tái cấu trúc bộ máy nhân sự, thành lập các khối hỗ trợ, quản trị rủi ro, quản lý chất lượng và một số ủy ban cao cấp; Thành lập Trung tâm Đào tạo và triển khai hàng loạt khóa đào tạo quan trọng trong năm.

Sản phẩm, dịch vụ và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh

Triển khai chương trình “Tiết kiệm MB, hái lộc BMW” và tổ chức 13 lễ trao giải cho khách hàng; triển khai tiếp chương trình “Tiết kiệm MB, lì xì tiền tỉ”.

Là một trong 2 ngân hàng đầu tiên được NHNN chấp thuận áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ.

Hoàn thành kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 3.400 tỷ đồng, phát hành 3.000 tỷ đồng trái phiếu.

Khai trương hơn 20 điểm giao dịch, nâng tổng số điểm giao dịch hiện nay của MB lên 91 điểm.

Thành lập Trung tâm dịch vụ khách hàng MB 247.



Tăng cường hoạt động văn hóa

Tổ chức thành công cuộc thi “MB’S GOT HIPO” nhằm tìm kiếm và phát triển các tài năng MB.

Tổ chức thành công cuộc thi “GOLDEN BEES” nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ của MB.

Tổ chức thành công các chương trình hoạt động văn hóa như: Hội thi “Mr MB vào bếp” nhân dịp Ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10), tổ chức cho hàng ngàn cán bộ, nhân viên đi nghỉ mát.

Tổ chức thành công Chương trình kỷ niệm 14 năm ngày thành lập MB

Tổ chức thành công “Ngày hội gia đình MB” và thu hút hàng ngàn cán bộ cùng gia đình tham gia.

Một số sự kiện tiêu biểu khác

Thống đốc NHNN đến thăm và làm việc tại MB

Giáo sư John Quelch, phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh doanh Harvard đến thăm và trò chuyện với lãnh đạo MB.

Phối hợp tổ chức Hội thảo “Ngày Việt Nam tại Pháp”

Tài trợ và tham gia Hội thảo “Ứng phó lạm phát từ góc độ quản trị doanh nghiệp”

Website mới MB đi vào hoạt động.



▶ ĐÓNG GÓP VỚI CỘNG ĐỒNG



Phối hợp với Trung ương Hội Chữ Thập Đỏ tổ chức 4 đợt khám chữa bệnh miễn phí cho 600 đối tượng chính sách có hoàn cảnh khó khăn tại: Thái Nguyên, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Ngãi

Hỗ trợ xây dựng 20 ngôi nhà tình nghĩa cho thân nhân của các liệt sỹ và các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại các tỉnh, thành như Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố HCM, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Nghệ An, Hà Tĩnh, Huế...;



Tổ chức 2 đợt giao lưu và tặng quà cho trung tâm trẻ mồ côi Hà Cầu - TP Hà Đông .

Tài trợ đi bộ từ thiện và trao học bổng cho sinh viên nghèo tại TP HCM.

Tham gia sự kiện Terry Fox Run ủng hộ quỹ nghiên cứu Ung thư.

Ủng hộ xây dựng 10 ngôi nhà tình nghĩa do Bộ Quốc Phòng phát động.

Thăm hỏi, tặng quà cho học sinh nghèo tại Phú Thọ, Quảng Ninh và Nghệ An.

Ủng hộ Hội LHPNTPHCM xây 10 căn nhà tình nghĩa cho các chị em có hoàn cảnh khó khăn và khuyết tật.

Tặng 10 sổ tiết kiệm cho 10 thương binh trong chương trình “Đồng đội tôi - những người lính là doanh nhân”.

Phối hợp với Trung ương Hội Chữ Thập Đỏ tổ chức 4 đợt khám chữa bệnh miễn phí cho 600 đối tượng chính sách có hoàn cảnh khó khăn tại: Thái Nguyên, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Ngãi.

Thăm viếng và ủng hộ giúp đỡ các nạn nhân trong vụ nổ khí Metal tại Cty

than Khe Chàm ngày 8/12/2008.

Tặng quà 148 đối tượng thuộc diện các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Kỷ Sửu 2009.



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



- * Bảng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước vì đã có thành tích hoạt động xuất sắc năm 2006 - 2007
- * Ngân hàng nhà nước xếp loại A
- * Bảng khen đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ (vì đã có thành tích xuất sắc trong việc kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đáp ứng nhu cầu vốn cho phát triển và xuất khẩu, đảm bảo an sinh xã hội).
- * Giải thưởng Doanh nghiệp dịch vụ được hài lòng nhất năm 2008
- * Tốp 100 Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam



- * Giải thưởng "Quả cầu Vàng"
- * Giải thưởng Trí tuệ Việt Nam năm 2008
- * Giải thưởng "Thương hiệu Chứng khoán Uy tín" và "Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam"
- * Giải thưởng "Thương hiệu mạnh Việt Nam 2008".
- * Giải thưởng Thanh toán quốc tế xuất sắc năm 2007 do HSBC trao tặng.





Hội sở

Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Tel : 84-4-6266.1088

Fax : 84-4-6266.1080

www.mbbank.com.vn

Designed+Produced by
Xpress
+84 8 38201188